

MỤC LỤC

LỜI CẢM ƠN.....	3
LỜI NÓI ĐẦU	4
CHƯƠNG 1 MÔ TẢ BÀI TOÁN VÀ GIẢI PHÁP	5
1.1 Giới thiệu bảo hiểm xã hội Hồng Bàng.....	5
1.2. Mô tả hoạt động	6
1.2.1. Mô tả bằng lời	6
1.2.2. Hoạt động nghiệp vụ	7
1.3. Giải pháp.....	9
CHƯƠNG 2 PHÂN TÍCH VÀ THIẾT KẾ HỆ THỐNG.....	10
2.1 MÔ HÌNH NGHIỆP VỤ	10
2.1.1. Biểu đồ ngữ cảnh.....	10
2.1.2. Sơ đồ phân rã chức năng	11
2.1.3. Danh sách hồ sơ dữ liệu	12
2.1.4. Ma trận thực thể chức năng.....	13
2.2. SƠ ĐỒ LUỒNG DỮ LIỆU	14
2.2.1. Sơ đồ luồng dữ liệu mức 0	14
2.2.2. Sơ đồ luồng dữ liệu mức 1	15
2.3. THIẾT KẾ CƠ SỞ DỮ LIỆU.....	17
2.3.1. Mô hình liên kết thực thể(ER).....	17
2.3.2 Mô hình quan hệ.....	20
2.3.3. Các bảng dữ liệu vật lý.....	22
2.4. THIẾT KẾ GIAO DIỆN	26
2.4.1. Giao diện chính	26
2.4.2. Các giao diện cập nhật dữ liệu	27
2.4.3. Các giao diện xử lý dữ liệu	30
2.4.4. Các mẫu báo cáo.....	30
2.4.3. Giao diện xử lý	32
2.4.4. Các mẫu báo cáo.....	32
2.4.4. Các mẫu báo cáo.....	33

CHƯƠNG 3 CƠ SỞ LÝ THUYẾT.....	35
3.1. PHÂN TÍCH THIẾT KẾ HỆ THỐNG HƯỚNG CẤU TRÚC.....	35
3.1.1. Khái niệm hệ thống thông tin.....	35
3.1.2. Khái niệm phân tích thiết kế hệ thống	35
3.1.3. Phân tích hệ thống hướng cấu trúc	36
3.2. Thiết kế CSDL quan hệ	36
3.3. Công cụ để cài đặt chương trình.....	39
3.3.1. Hệ QTCSDL SQL SERVER.....	39
3.3.2. Ngôn ngữ VISUAL BASIC	41
CHƯƠNG 4 CÀI ĐẶT CHƯƠNG TRÌNH	45
4.1. MỘT SỐ GIAO DIỆN CHÍNH	45
4.1.1. Giao diện chính	45
4.1.2. Giao diện cập nhật dữ liệu.....	46
4.1.3. Giao diện xử lý	51
4.1.4. Một số báo cáo	52
4.2. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ	54
KẾT LUẬN	55
TÀI LIỆU THAM KHẢO	56

LỜI CẢM ƠN

Người xưa có câu: “Uống nước nhớ nguồn, ăn quả nhớ kẻ trồng cây”. Với em sinh viên khoá 4 của trường Đại Học Dân Lập Hải Phòng luôn luôn ghi nhớ những công lao to lớn của các thầy giáo, cô giáo. Những người đã dẫn dắt chúng em từ khi mới bước chân vào giảng đường đại học những kiến thức, năng lực và đạo đức chuẩn bị hành trang bước vào cuộc sống để xây dựng đất nước khi ra trường sau 4 năm học. Em xin hứa sẽ lao động hết mình đem những kiến thức học được phục vụ cho Tổ quốc. Em xin chân thành cảm ơn đến:

Cha, mẹ người đã sinh thành và dưỡng dục con, hỗ trợ mọi điều kiện về vật chất và tinh thần cho con trên con đường học tập lòng biết ơn sâu sắc nhất.

Thầy cô của trường và các thầy cô trong Ban giám hiệu, thầy cô trong Bộ môn Tin học của trường Đại học Dân lập Hải Phòng đã tận tình giảng dạy và tạo mọi điều kiện cho chúng em học tập trong suốt thời gian học tập tại trường.

Thầy Vũ Anh Hùng – Giáo viên hướng dẫn đồ án tốt nghiệp đã tận tình, hết lòng hướng dẫn em trong suốt quá trình nghiên cứu để hoàn thành đồ án tốt nghiệp này. Em mong thầy luôn luôn mạnh khoẻ để nghiên cứu và đào tạo nguồn nhân lực cho đất nước.

Một lần nữa em xin chân thành cảm ơn.

Hải Phòng, ngày 04 tháng 7 năm 2009

Sinh viên thực hiện

Hoàng Thị Duyên

LỜI NÓI ĐẦU

Ngày nay sự phát triển mạnh mẽ của tin học làm cho máy tính trở thành phương tiện không thể thiếu được trong mọi lĩnh vực đời sống. Hơn lúc nào hết các tính năng của máy tính được khai thác một cách triệt để. Nếu như vài ba năm trước máy tính ở nước ta máy tính được sử dụng chủ yếu như là một công cụ để soạn thảo văn bản thông thường, hoặc các công việc lập trình, quản lý phức tạp, xử lý dữ liệu biểu bảng, thương mại, khoa học v.v... thì giờ đây, cùng với sự vươn xa của mạng Internet trên lãnh thổ Việt Nam máy tính còn là phương tiện bạn có thể ngồi trên bàn làm việc cá nhân tại gia đình mà trao đổi thông tin liên lạc đi khắp toàn cầu.

Nền tin học càng phát triển thì con người càng có nhiều những phương pháp mới, công cụ mới để xử lý thông tin và nắm bắt được nhiều thông tin hơn. tin học được ứng dụng trong mọi ngành nghề, mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, Việc áp dụng Tin học vào trong quản lý, sản xuất, kinh doanh du lịch là một xu hướng tất yếu.

Kết quả của việc áp dụng tin học trong quản lý là việc hình thành các hệ thống thông tin quản lý nhằm phục vụ cho nhu cầu xử lý dữ liệu và cung cấp thông tin cho các chủ sở hữu hệ thống đó. ở nước ta hiện nay trong những năm gần đây các ứng dụng tin học vào quản lý đang ngày một nhiều hơn, đa dạng hơn.

Hệ thống thông tin được đề cập đến trong đồ án này là hệ thống hỗ trợ hoạt động quản lý bảo hiểm xã hội Hồng Bàng (BHXH Hồng Bàng). Nếu việc quản lý BHXH đều làm bằng tay thì đó là một công việc rất khó khăn và phức tạp, không hiệu quả, tốn nhiều thời gian vào việc phân tích và xử lý dữ liệu mà kết quả đưa ra lại có độ chính xác không cao trông quá trình tính toán và thống kê. Nhất là số người tham gia của mỗi đơn vị là rất đông và hàng tháng nhân viên các bộ phận tốn rất nhiều thời gian để cập nhật và thống kê...

Để giải quyết công việc khó khăn này một cách nhanh chóng và thuận lợi thì tin học đã cung cấp cho ta các phương pháp và công cụ để xây dựng chương trình ứng dụng gần như tự động hóa được các công việc của nhân viên.

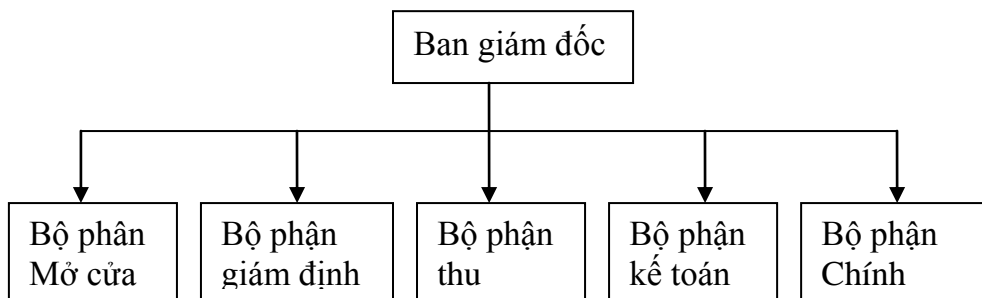
CHƯƠNG 1

MÔ TẢ BÀI TOÁN VÀ GIẢI PHÁP

1.1 Giới thiệu bảo hiểm xã hội Hồng Bàng

Bảo hiểm xã hội là sự đảm bảo thay thế hoặc bù đắp một phần thu nhập của người lao động khi họ bị giảm hoặc mất thu nhập do ốm đau, thai sản, tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, hết tuổi lao động hoặc chết, trên cơ sở đóng vào quỹ bảo hiểm xã hội. Bảo hiểm xã hội Hồng Bàng ra đời trên cơ sở đó dưới sự chỉ đạo của bảo hiểm xã hội thành phố Hải Phòng. bảo hiểm xã hội Hồng Bàng đi vào hoạt động tổ chức trên 10 năm đặt tại 40 Đinh Tiên Hoàng, Hồng Bàng, Hải Phòng. Cơ cấu tổ chức quản lý hết sức quy củ với đội ngũ nhân viên nhiệt tình có trách nhiệm và được đối tượng tham gia tin tưởng.

Mô hình tổ chức:



Bảo hiểm xã hội Hồng Bàng giải quyết chế độ cho:

- Chế độ ốm đau
- Chế độ thai sản
- Chế độ tai nạn lao động
- Chế độ bệnh nghề nghiệp
- Chế độ hưu trí
- Chế độ tử tuất

1.2. Mô tả hoạt động

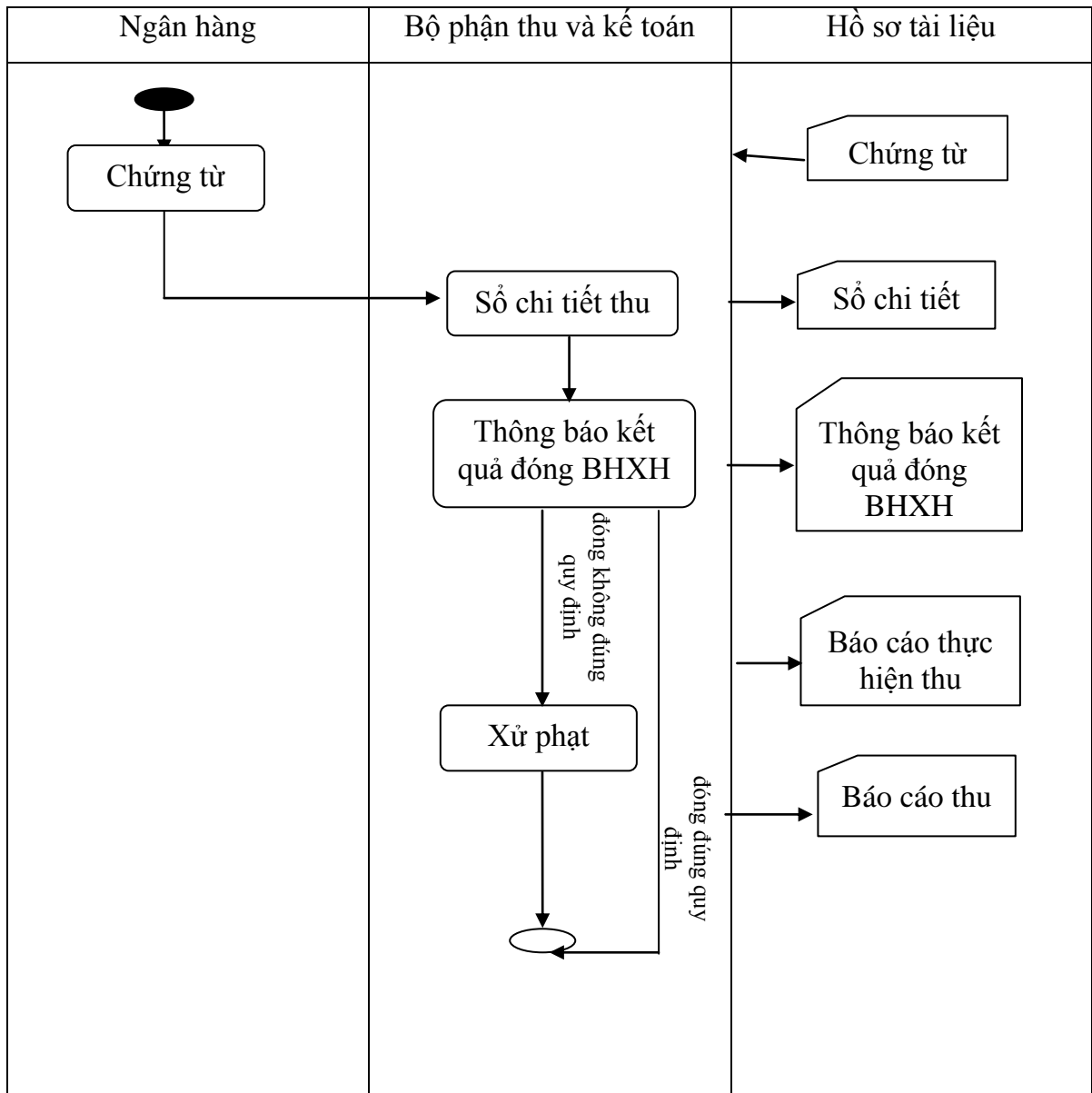
1.2.1. Mô tả bằng lời

Khi tham gia bảo hiểm xã hội thì đối tượng sẽ tiến hành đóng bảo hiểm xã hội. Hàng tháng Đơn vị sử dụng lao động sẽ đại diện cho đối tượng đóng tiền bảo hiểm xã hội qua ngân hàng. Chứng từ do ngân hàng chuyển đến sẽ được kê toàn ghi vào sổ chi tiết thu. Cuối tháng sẽ lập bản thông báo kết quả đóng bảo hiểm xã hội cho đơn vị sử dụng lao động. Nếu đóng thiếu, đóng không đúng quy định hoặc không đóng thì đơn vị sử dụng lao động sẽ bị xử phạt theo luật bảo hiểm xã hội Việt Nam và khi đối tượng được hưởng chế độ bảo hiểm xã hội thì bảo hiểm xã hội sẽ không giải quyết chế độ cho đối tượng tương ứng với thời gian mà đơn vị sử dụng lao động đã không đóng tiền bảo hiểm xã hội hoặc chưa đóng. Hàng tháng sẽ lập báo cáo thu BHXH.

Khi đối tượng được hưởng chế độ bảo hiểm xã hội thì đối tượng làm hồ sơ. Đơn vị sử dụng lao động nộp hồ sơ và bộ phận chính sách sẽ tiến hành kiểm tra hồ sơ thấy đầy đủ hợp lệ như quy định của luật bảo hiểm xã hội Việt Nam thì đối tượng sẽ được giải quyết chế độ bảo hiểm xã hội. Hồ sơ bao gồm: hồ sơ giả quyết chế độ và bản quá trình đóng bảo hiểm xã hội. Bộ phận chính sách kiểm tra hồ sơ thấy hợp lệ sẽ giải quyết chế độ cho đối tượng bằng việc lập danh sách giải quyết chế độ và bảng thống kê đối tượng giải quyết hưởng chế độ .

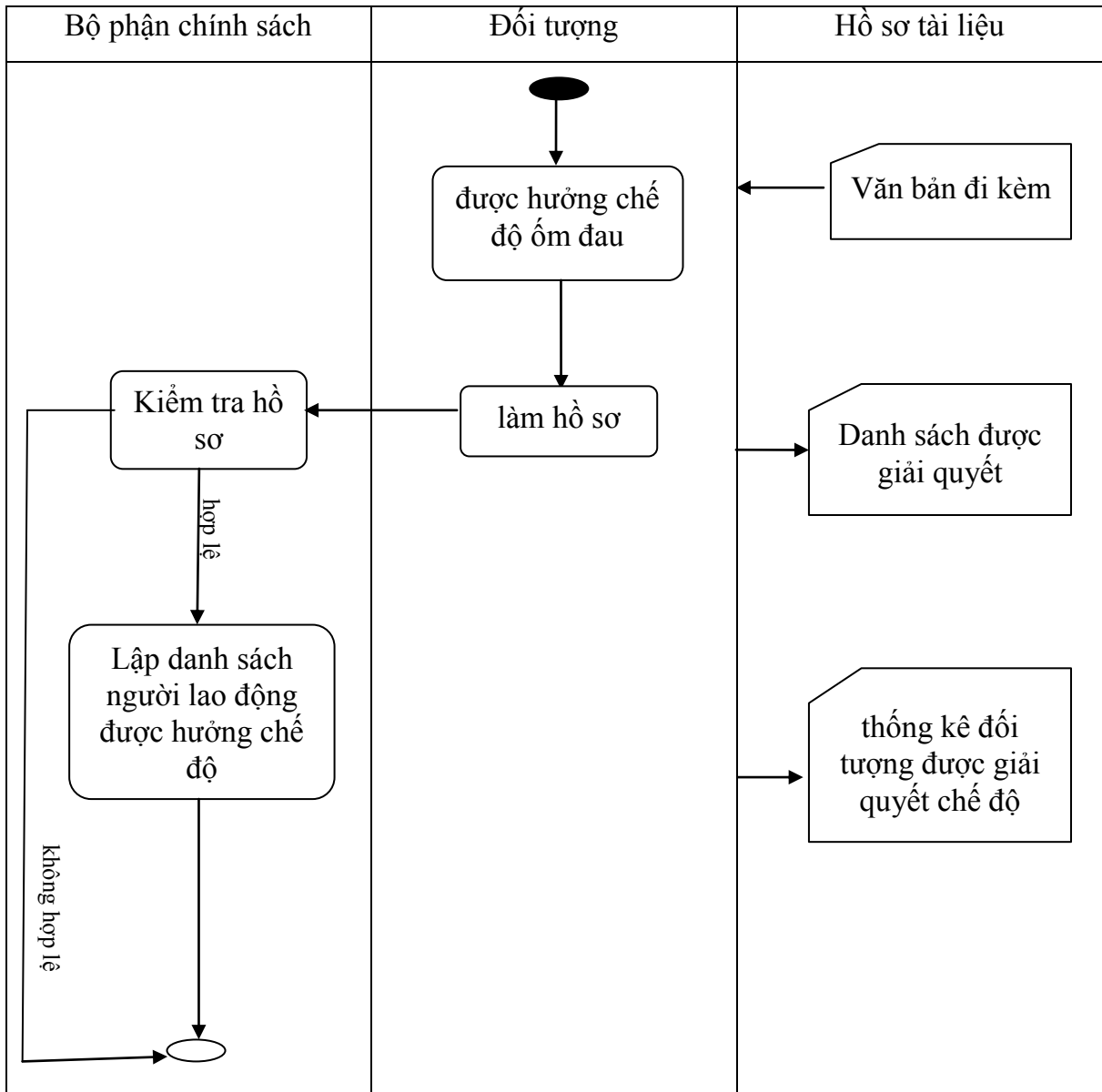
1.2.2. Hoạt động nghiệp vụ

a) Hoạt động theo dõi đóng bảo hiểm xã hội



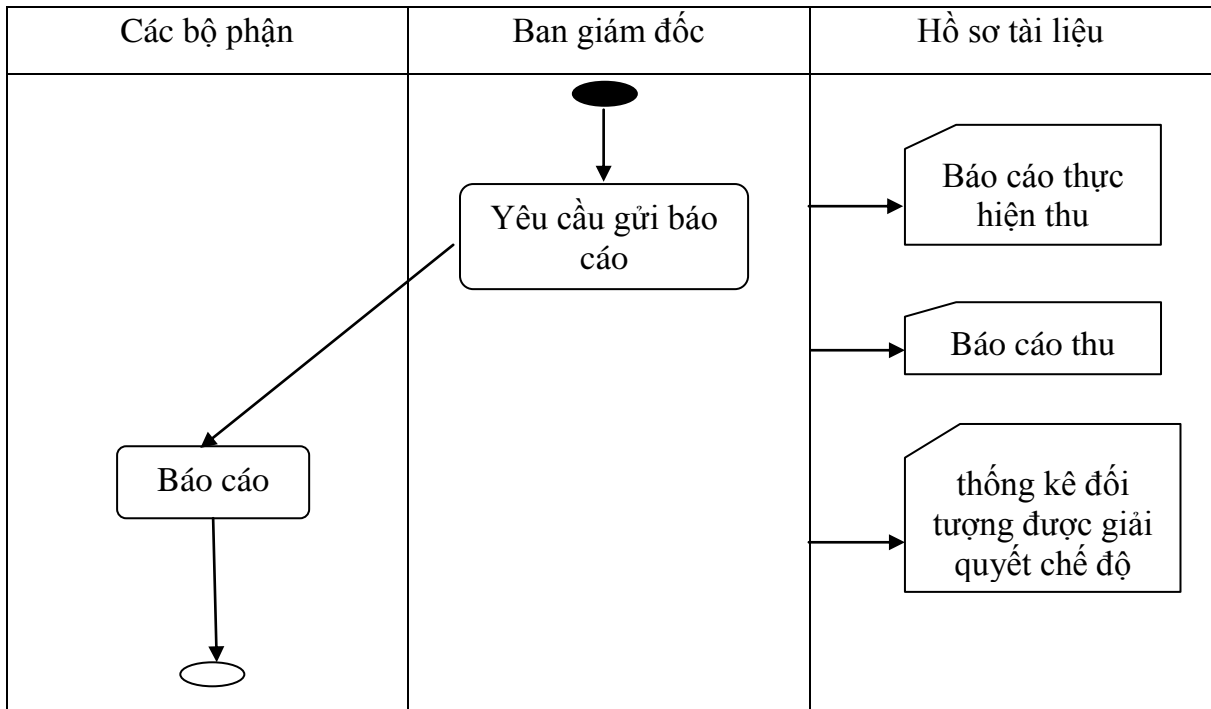
Hình 1.1: Sơ đồ theo dõi tiến trình nghiệp vụ theo dõi quá trình đóng BHXH

b) Hoạt động giải quyết chế độ trình nghiệp vụ



Hình 1.2 : Sơ đồ tiến trình nghiệp vụ giải quyết chế độ

c) Hoạt động báo cáo



Hình 1.3: Sơ đồ tiến trình nghiệp vụ báo cáo

1.3. Giải pháp

Xây dựng một phần mềm giúp cho việc theo dõi cũng như quản lý BHXH Hồng Bàng trở nên nhanh hơn về mặt thời gian, chính xác hơn về việc xử lý dữ liệu. Giúp cho đội ngũ nhân viên của cơ quan làm việc có chất lượng và đạt kết quả cao. Đồng thời cũng giảm bớt công việc cho nhân viên.

Hệ thống sẽ tiến hành cập nhật dữ liệu thu thập được từ các đơn vị sử dụng lao động và từ chi nhánh ngân hàng đầu tư và phát triển nông thôn quận Hồng Bàng gửi đến. Sau đó phần mềm sẽ tính toán và đưa ra thông báo đóng BHXH cho từng đơn vị sử dụng lao động đã tham gia BHXH ở quận Hồng Bàng Hải Phòng. Đồng thời tính toán và giải quyết chế độ BHXH cho đối tượng của từng đơn vị đã tham gia BHXH.

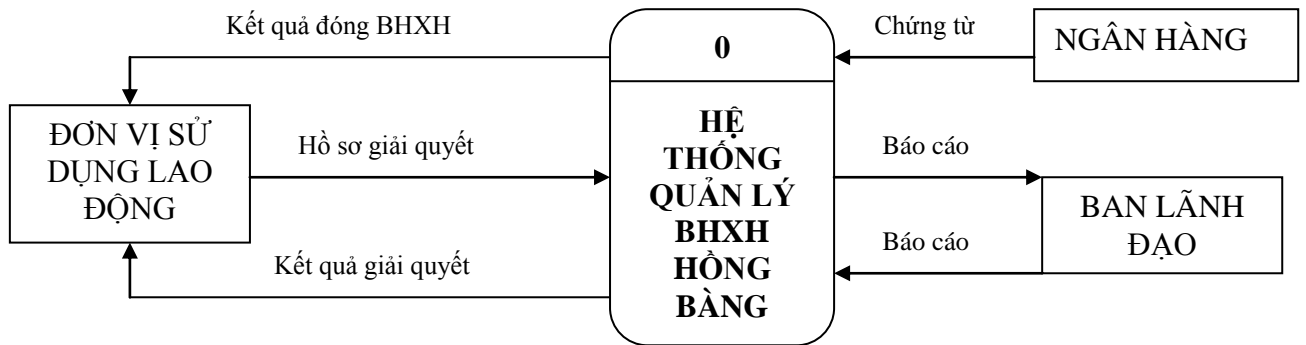
CHƯƠNG 2

PHÂN TÍCH VÀ THIẾT KẾ HỆ THỐNG

2.1 MÔ HÌNH NGHIỆP VỤ

2.1.1. Biểu đồ ngữ cảnh

a) Biểu đồ



Hình 2.1: Biểu đồ ngữ cảnh

b) Mô tả hoạt động

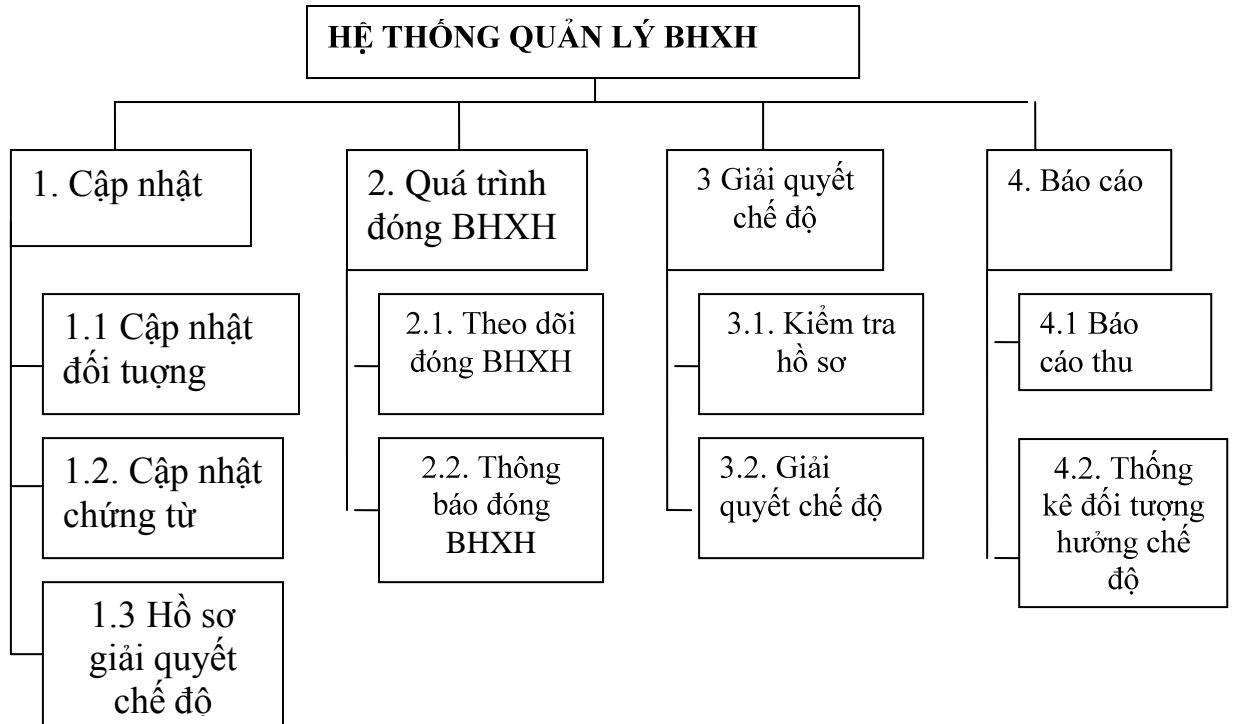
Sau khi đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội thì đối tượng tiến hành đóng bảo hiểm xã hội và đơn vị sử dụng lao động sẽ trích một phần lương trong tổng số lương của đối tượng đóng bảo hiểm xã hội cho ngân hàng. Khi đơn vị sử dụng lao động nộp tiền bảo hiểm xã hội cho ngân hàng, ngân hàng sẽ chuyển chứng từ về hệ thống để hệ thống tiến hành theo dõi đóng bảo hiểm xã hội của đối tượng và hệ thống đưa ra kết quả đóng bảo hiểm xã hội cho đơn vị sử dụng lao động.

Khi đối tượng được hưởng chế độ bảo hiểm xã hội thì đơn vị sử dụng lao động đưa ra yêu cầu giải quyết chế độ bảo hiểm xã hội cho hệ thống. Hệ thống sẽ kiểm tra và đưa ra kết quả.

Đến kỳ hoặc ban lãnh đạo yêu cầu báo cáo gửi đến hệ thống thì hệ thống sẽ lập báo cáo và gửi cho ban lãnh đạo.

2.1.2. Sơ đồ phân rã chức năng

a) Sơ đồ



Hình 2.2: Sơ đồ phân rã chức năng

b) Mô tả chi tiết các chức năng lá

1.1. Cập nhật đối tượng: Đối tượng chuyển hồ sơ thì bộ phận mở cửa cập nhật hồ sơ đối tượng

1.2. Cập nhật chứng từ: Ngân hàng chuyển chứng từ về. Bộ phận kế toán có trách nhiệm cập nhật chứng từ.

1.3. Hồ sơ giải quyết chế độ: Khi đối tượng được hưởng chế độ thì đối tượng lập hồ sơ và đơn vị sử dụng lao động gửi hồ sơ đến bảo hiểm xã hội và bộ phận chính sách có trách nhiệm cập nhật tất cả hồ sơ hưởng chế độ của đối tượng.

2.1. Theo dõi đóng bảo hiểm xã hội: Chứng từ được bộ phận thu theo dõi việc đóng BHXH của đơn vị sử dụng lao động cũng như của đối tượng.

2.2. Kết quả đóng bảo hiểm xã hội: Cuối tháng bộ phận thu sẽ ra thông báo kết quả đóng bảo hiểm xã hội cho đơn vị sử dụng biết tình hình đóng bảo hiểm xã hội của đơn vị.

3.1. Kiểm tra hồ sơ: Bộ phận chính sách sẽ tiến hành kiểm tra hồ sơ xem hợp lệ hay không.

3.2. Giải quyết chế độ: Hồ sơ hợp lệ bộ phận chính sách tiến hành giải quyết chế độ cho đối tượng và lập danh sách đối tượng được hưởng chế độ.

4.1. Báo cáo thu: Hàng quý bộ phận thu lập báo cáo thu và gửi lên ban lãnh đạo.

4.2. Thống kê đối tượng hưởng chế độ: Hàng tháng bộ phận chính sách sẽ lập ra bản thống kê đối tượng được hưởng chế độ để gửi cho ban lãnh đạo.

2.1.3. Danh sách hồ sơ dữ liệu

D1. Hồ sơ đối tượng

D2. Chứng từ

D3. Bản quá trình đóng BHXH

D4. Thông báo đóng BHXH

D5. Báo cáo thu

D6. Quy định

D7. Hồ sơ hưởng chế độ

D8. Danh sách được hưởng chế độ

D9. Thống kê đối tượng được hưởng chế độ

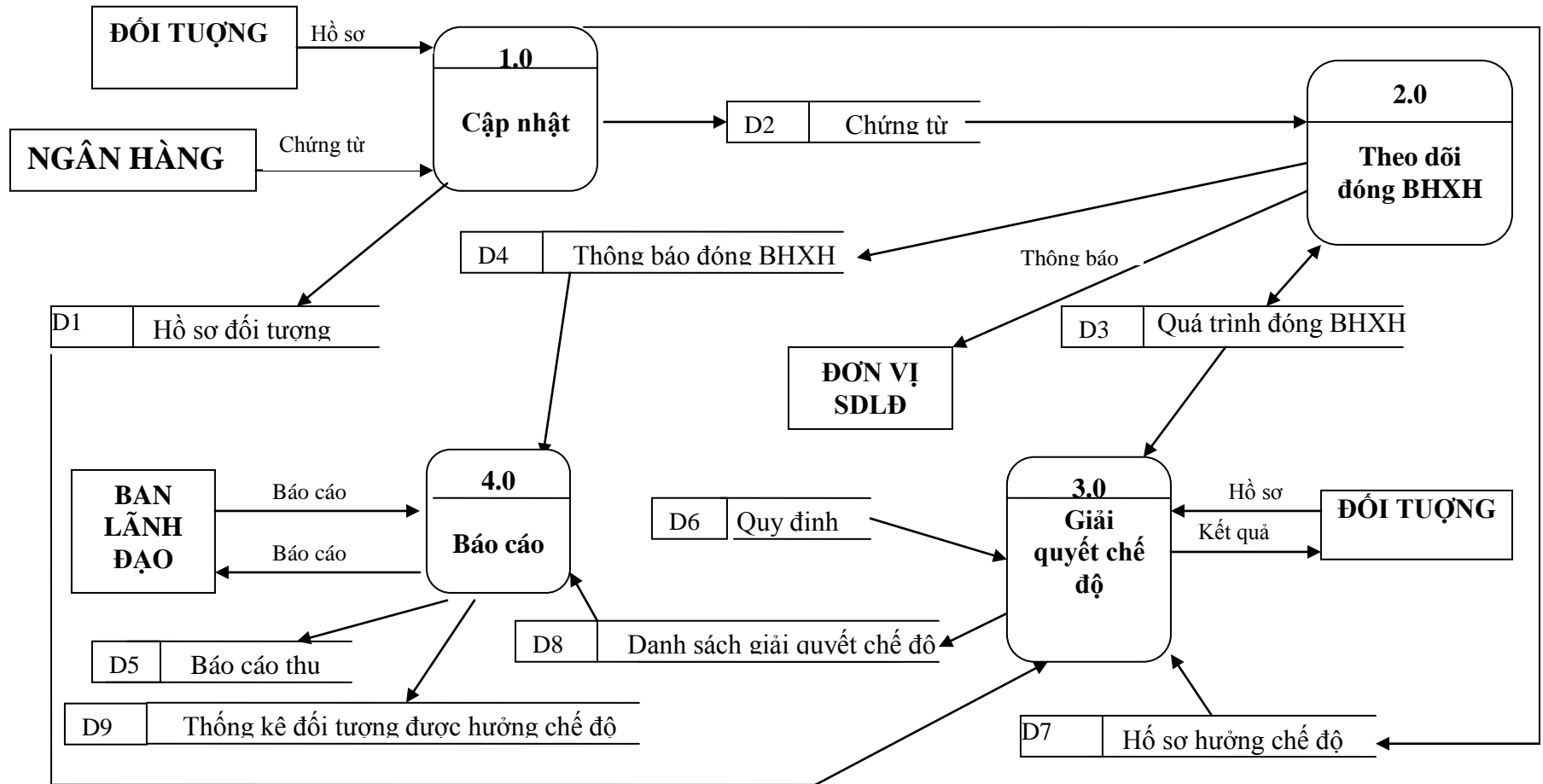
2.1.4. Ma trận thực thể chức năng

Các thực thể										
D1. Hồ sơ đối tượng										
D2 Chứng từ.										
D3. Bản quá trình đóng BHXH										
D4. Thông báo đóng BHXH										
D5. Báo cáo thu										
D6. Quy định										
D7. Hồ sơ hưởng chế độ										
D8. Danh sách được hưởng chế độ										
D9. Thống kê đối tượng được hưởng chế độ										
Các chức năng		D1	D2	D3	D4	D5	D6	D7	D8	D9
1. Cập nhật		C	C					C		
2. Theo dõi quá trình đóng BHXH			R	U	C					
3. Giải quyết chế độ		R		R			R	R	C	
4. Báo cáo					R	C			R	C

Hình 2.3: Ma trận thực thể chức năng

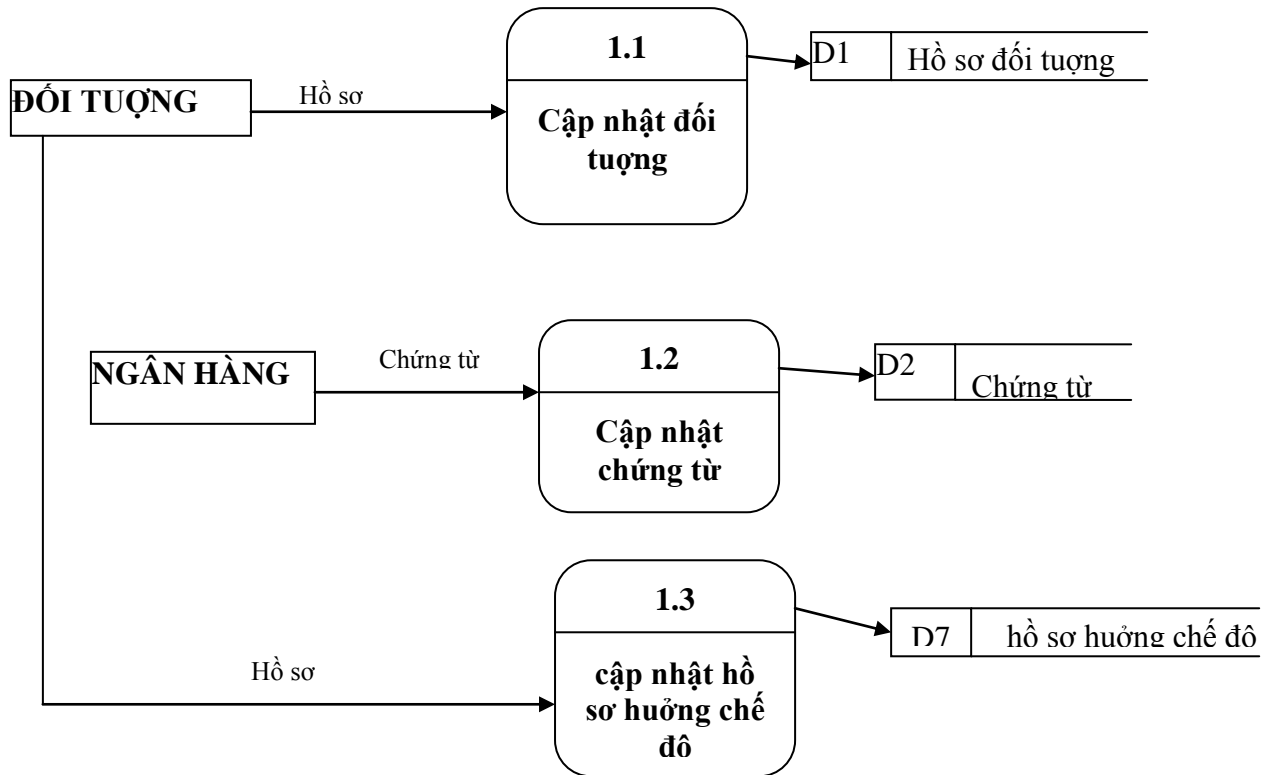
2.2. SƠ ĐỒ LƯỒNG DỮ LIỆU

2.2.1. Sơ đồ luồng dữ liệu mức 0

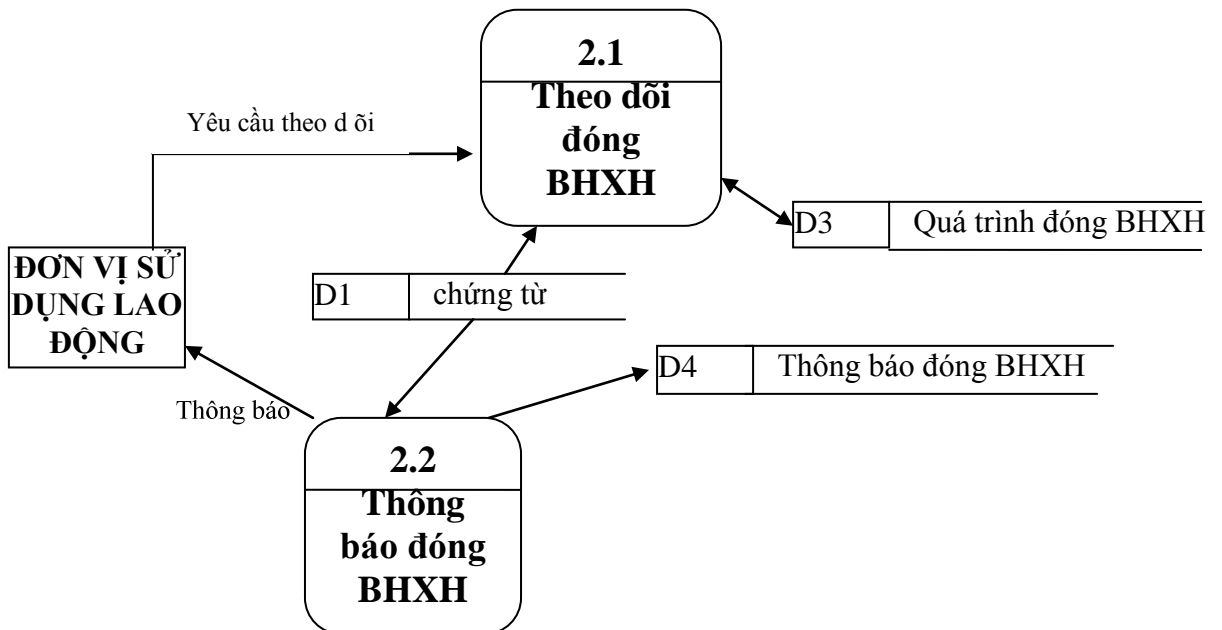


Hình 2.4: Sơ đồ luồng dữ liệu mức 0

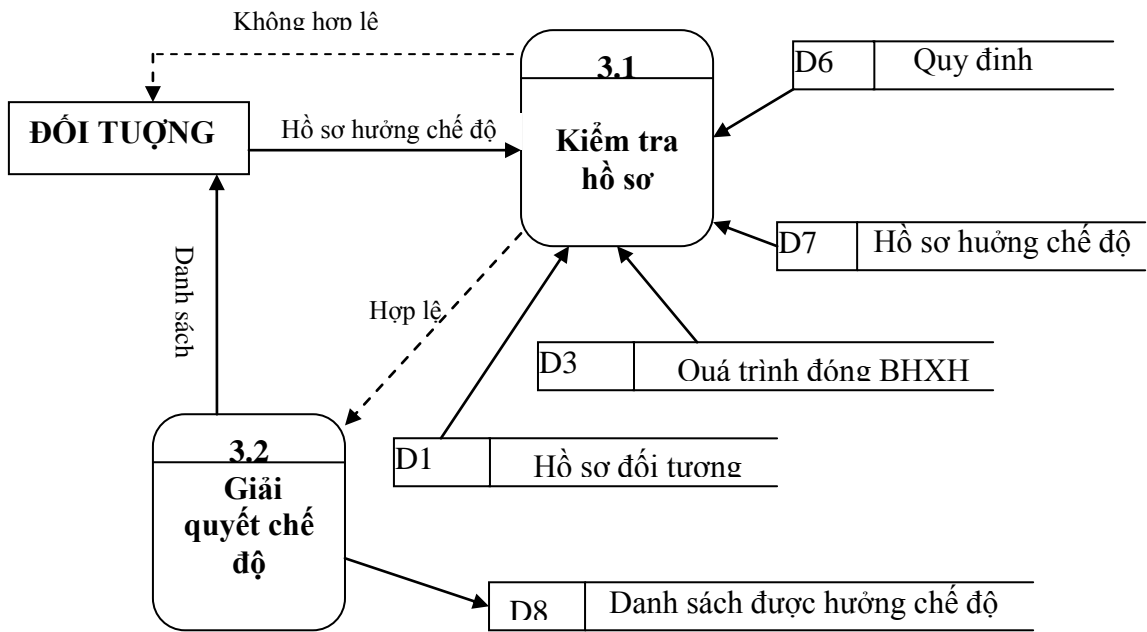
2.2.2. Sơ đồ luồng dữ liệu mức 1



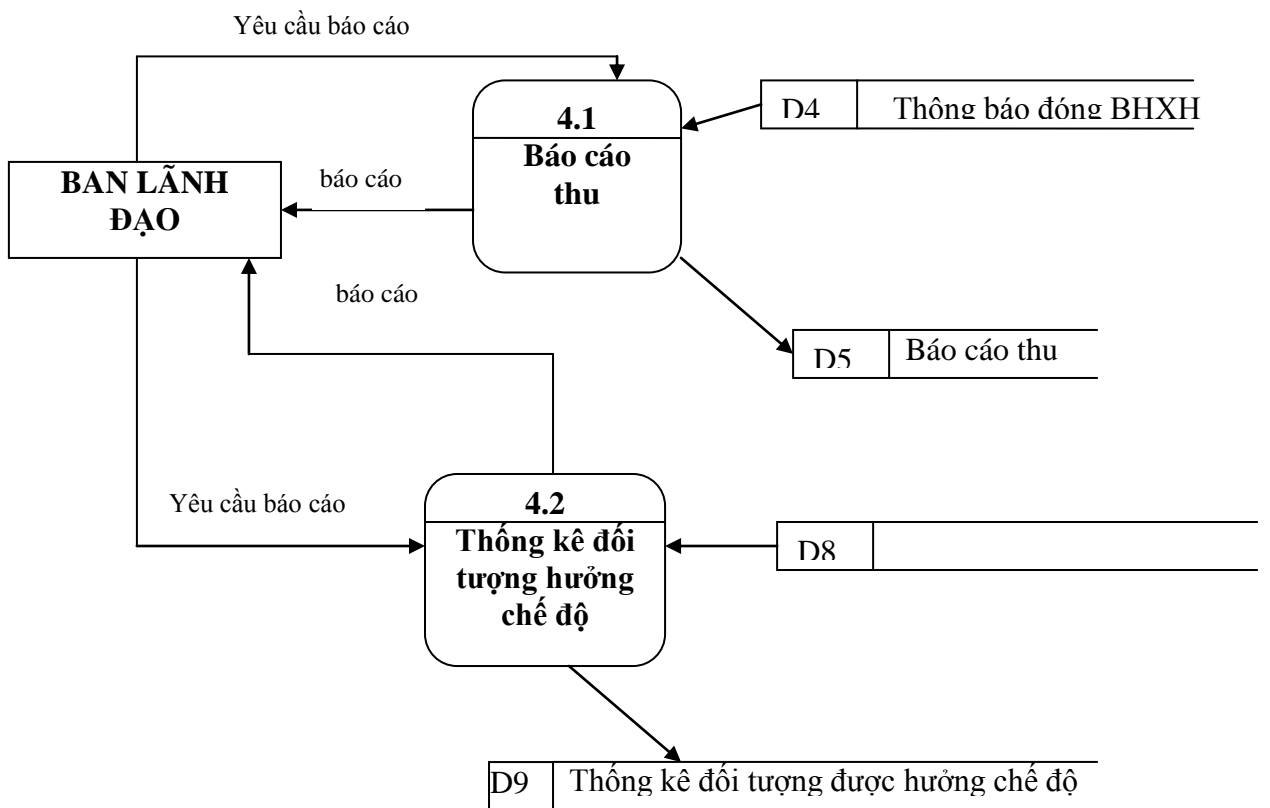
Hình 2.5: Sơ đồ luồng dữ liệu mức 1 của tiến trình “Cập nhật”



Hình 2.6. Sơ đồ luồng dữ liệu mức 1 của tiến trình “Theo dõi đóng BHXH”



Hình 2.7: Sơ đồ luồng dữ liệu mức 1 của tiến trình “Giải quyết chế độ”



Hình 2.8: Sơ đồ luồng dữ liệu mức 1 của tiến trình “Báo cáo”

2.3. THIẾT KẾ CƠ SỞ DỮ LIỆU

2.3.1. Mô hình liên kết thực thể(ER)

a) Các kiểu thực thể

1. ĐƠN VỊ SỬ DỤNG LAO ĐỘNG (ĐƠN VỊ SDLĐ) là kiểu thực thể với các thuộc tính *Mã đơn vị, tên đơn vị, địa chỉ, số điện thoại* là các thuộc tính mô tả đơn vị sử dụng lao động. Thuộc tính *mã đơn vị* là thuộc tính khóa.

2. NGÂN HÀNG là kiểu thực thể với các thuộc tính *số tài khoản, tên ngân hàng, địa chỉ, số điện thoại* là các thuộc tính mô tả ngân hàng. Trong đó thuộc tính *số tài khoản* là thuộc tính khóa.

3. ĐỐI TƯỢNG là kiểu thực thể với các thuộc tính *số sổ bảo hiểm, họ tên, địa chỉ, giới tính, năm sinh, chứng minh thư nhân dân, tiền lương, ghi chú* là các thuộc tính mô tả đối tượng. Trong đó thuộc tính *số sổ bảo hiểm* là thuộc tính khóa.

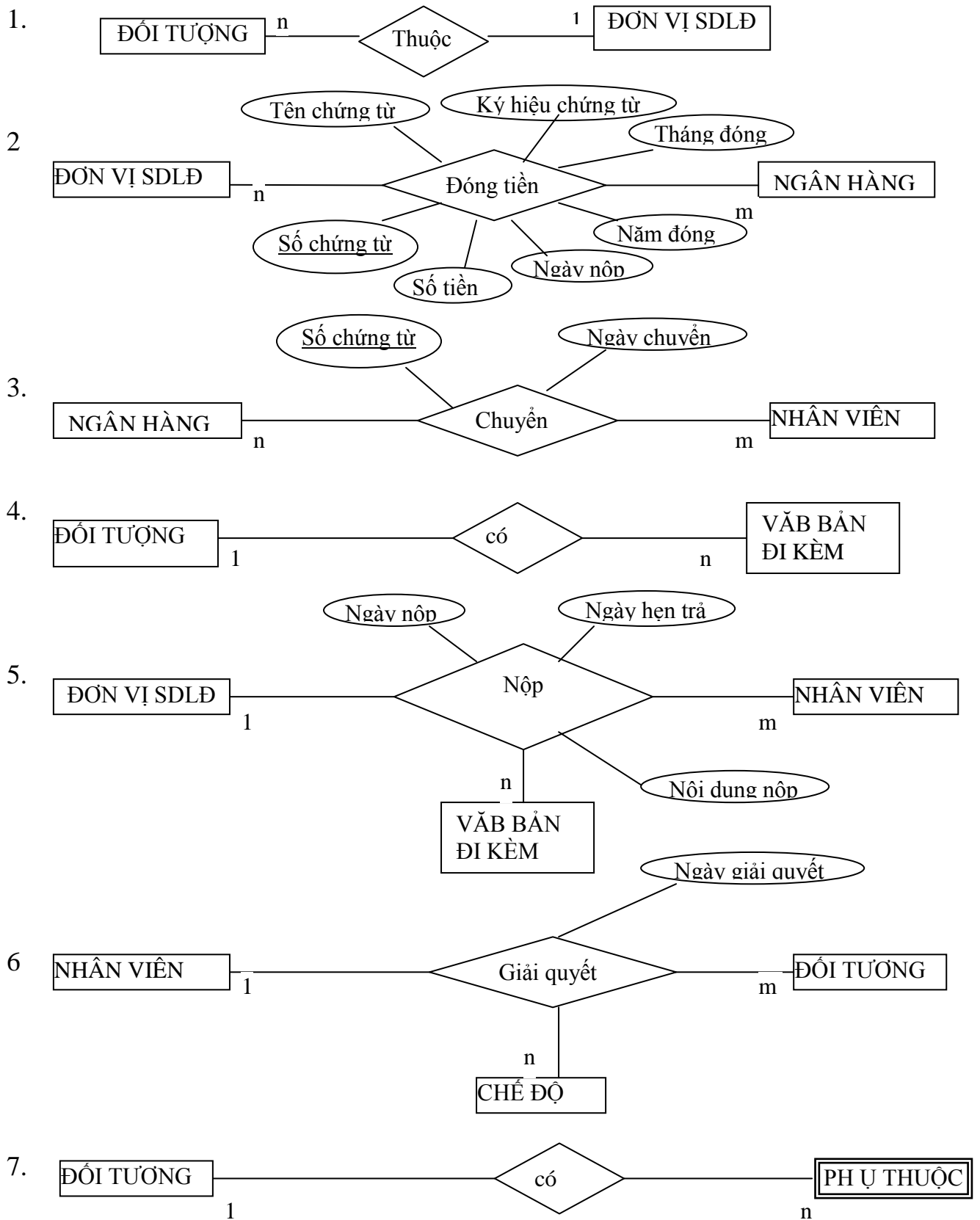
4. VĂN BẢN ĐI KÈM là kiểu thực thể với các thuộc tính *Mã văn bản, tên văn bản, tên người xác nhận, địa chỉ xác nhận, mức giảm khả năng lao động, ngày xác nhận* là các thuộc tính mô tả văn bản đi kèm. Trong đó *Mã văn bản* là thuộc tính khóa.

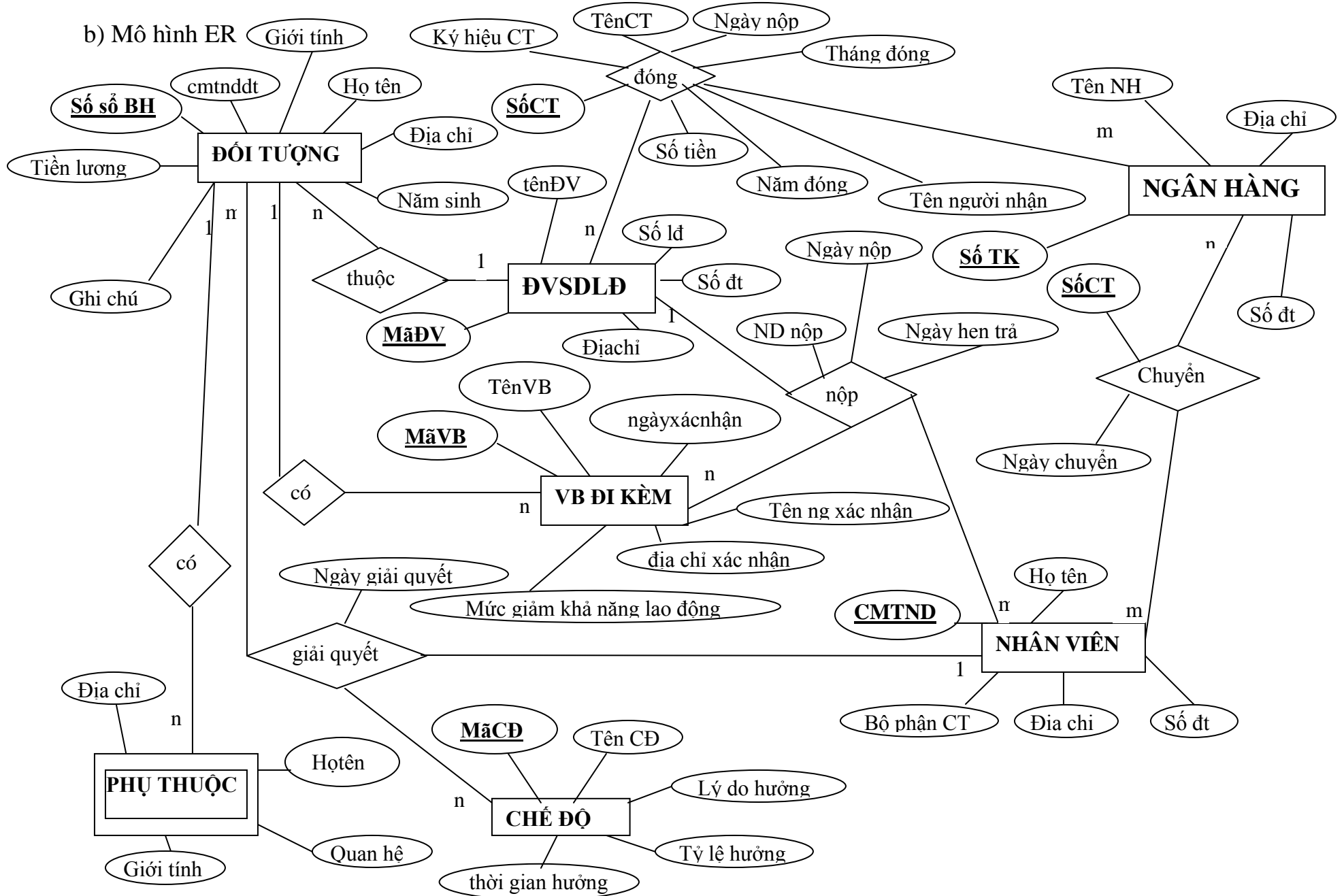
5. NHÂN VIÊN là kiểu thực thể với các thuộc tính mô tả nhân viên *chứng minh thư nhân dân, họ tên, địa chỉ, bộ phận công tác, số điện thoại*. Trong đó thuộc tính *chứng minh thư nhân dân* là thuộc tính khóa.

6. CHẾ ĐỘ là kiểu thực thể với các thuộc tính *Mã chế độ, tên chế độ, lý do được hưởng, thời gian hưởng, tỷ lệ hưởng* là các thuộc tính mô tả chế độ. Trong đó thuộc tính *Mã chế độ* là thuộc tính khóa.

7. PHỤ THUỘC là kiểu thực thể với các thuộc tính *họ tên, năm sinh, địa chỉ, giới tính, quan hệ*. kiểu thực thể PHỤ THUỘC là kiểu thực thể yếu.

b) Các kiểu liên kết





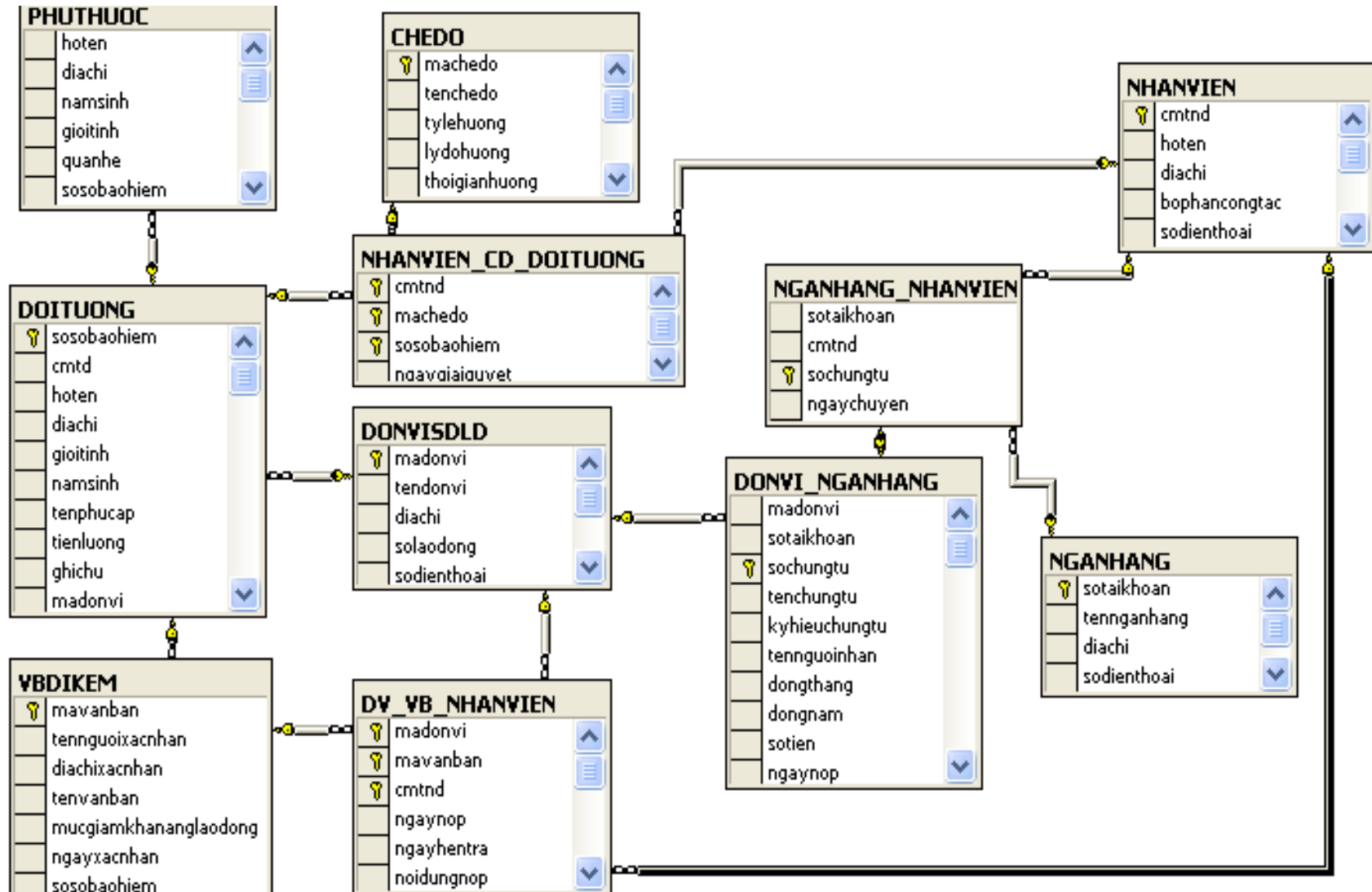
Hình 2.9: Mô hình ER

2.3.2 Mô hình quan hệ

a) Các quan hệ

1. **ĐƠN VI SỬ DỤNG LAO ĐỘNG** (Mã đơn vị, tên đơn vị, địa chỉ, số lao động)
2. **NGÂN HÀNG** (số tài khoản, tên ngân hàng, địa chỉ, số điện thoại)
3. **ĐỐI TƯỢNG** (số sổ bảo hiểm, họ tên, địa chỉ, giới tính, năm sinh, tiền lương, phụ cấp, ghi chú, mã đơn vị)
4. **VĂN BẢN ĐI KÈM** (Mã văn bản, tên văn bản, tên người xác nhận, địa chỉ xác nhận, mức giảm khả năng lao động, ngày xác nhận, số sổ bảo hiểm).
5. **NHÂN VIÊN** (chứng minh thư nhân dân, họ tên, địa chỉ, bộ phận công tác, số tiện thoại)
6. **CHẾ ĐỘ** (mã chế độ, tên chế độ, lý do hưởng, thời gian hưởng, tỷ lệ hưởng).
7. **PHỤ THUỘC** (số sổ bảo hiểm, họ tên, địa chỉ, giới tính, năm sinh, quan hệ)
8. **ĐƠN VI_NGÂN HÀNG** (mã đơn vị, số tài khoản, số chứng từ, ký hiệu chứng từ, tên chứng từ, tên người nhận, đóng tháng, đóng năm, số tiền, ngày nộp)
9. **NGÂN HÀNG_NHÂN VIÊN** (số tài khoản, chứng minh thư nhân dân, số chứng từ, ngày chuyển).
10. **ĐƠN VI_VĂN BẢN_NHÂN VIÊN** (mã đơn vị, mã văn bản, chứng minh thư nhân dân, ngày nộp, ngày hẹn trả, nội dung nộp).
11. **NHÂN VIÊN_CHẾ ĐỘ_ĐỐI TƯỢNG** (chứng minh thư nhân dân, mã chế độ, số sổ bảo hiểm, ngày giải quyết).

b) Mô hình quan hệ



Hình 2.10: Mô hình quan hệ

2.3.3. Các bảng dữ liệu vật lý

a) Bảng ĐỐI TƯỢNG dùng để lưu trữ thông tin của đối tượng

STT	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Kích cỡ	Ghi chú
1	sosobaohiem	Char	10	Số sổ BHXH, khóa chính
2	tenphucap	Nvarchar	30	Phụ cấp
3	Tienluong	money	8	Tiền lương
4	Ghichu	Nvarchar	50	Ghi chú
5	Cmtnd	Char	10	Chứng minh thư nhân dân
6	Hoten	Nvarchar	30	Họ tên
7	Diachi	Nvarchar	50	Địa chỉ
8	Namsinh	datetime	8	Năm sinh
9	Gioitinh	Char	5	Giới tính
10	Madonvi	Char	10	Mã đơn vị, khóa ngoài

b) Bảng NGÂN HÀNG dùng để lưu trữ thông tin về ngân hàng

Stt	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Kích cỡ	Ghi chú
1	sotaikhoan	Char	10	Số tài khoản, khóa chính
2	tennganhang	Nvarchar	30	Tên ngân hàng
3	Diachi	Nvarchar	50	Địa chỉ
4	Sodienthoai	Char	10	Số điện thoại

c) Bảng ĐƠN VỊ SỬ DỤNG LAO ĐỘNG dùng để lưu trữ thông tin về đơn vị sử dụng lao động

STT	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Kích cỡ	Ghi chú
1	Madonvi	Char	10	Mã đơn vị, khóa chính
2	Tendonvi	Nvarchar	30	Tên đơn vị
3	Diachi	Nvarchar	50	Địa chỉ
4	Solaodong	Float	8	Số lao động
5	Sodienthoai	Char	10	Số điện thoại

d) Bảng PHỤ THUỘC dùng để lưu trữ thông tin về phụ thuộc

Stt	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Kích cỡ	Ghi chú
1	Hoten	Nvarchar	50	Họ tên
2	Diachi	Nvarchar	50	Địa chỉ
3	Gioitinh	Char	10	Giới tính
4	Quanhe	Nvarchar	50	Quan hệ
5	sosobaohiem	Char	10	Số sổ bảo hiểm

e) Bảng CHẾ ĐỘ dùng để lưu trữ thông tin về chế độ

Stt	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Kích cỡ	Ghi chú
1	Machedo	Char	10	Mã chế độ, khóa chính
2	Tenchedo	Nvarchar	20	Tên chế độ
3	Lydohuong	Nvarchar	50	Lý do hưởng
4	Thoigianhuong	Float	8	Thời gian hưởng
5	Tylehuong	Float	8	Tỷ lệ hưởng

f) Bảng NHÂN VIÊN dùng để lưu trữ thông tin về nhân viên

Stt	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Kích cỡ	Ghi chú
1	Cmtnd	Char	10	Chứng minh thư nhân dân
2	Hoten	Nvarchar	30	Họ tên
3	Diachi	Nvarchar	50	Địa chỉ
4	Sodienthoai	Char	10	Số điện thoại
5	Bophanlamviec	Nvarchar	30	Bộ phận làm việc

g) Bảng VĂN BẢN ĐI KÈM dùng để lưu trữ thông tin về văn bản đi kèm

STT	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Kích cỡ	Ghi chú
1	Mavanban	Char	10	Mã văn bản, khóa chính
2	Tenvanban	Nvarchar	30	Tên văn bản
3	Tennguoixacnhan	Nvarchar	50	Tên người xác nhận
4	Diachinguoixacnhan	Nvarchar	50	Địa chỉ người xác nhận
5	Ngayxacnhan	Datetime	8	Ngày xác nhận
6	Mucgiamkhananglao dong	Float	8	Mức giảm khả năng lao động
7	sosobaohiem	Char	10	Số sổ BHXH

h) Bảng NHÂN VIÊN_CHE ĐỘ_ĐỐI TƯỢNG lưu trữ việc giải quyết chế độ

STT	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Kích cỡ	Ghi chú
1	Cmtnd	Char	10	Chứng minh thư nhân dân
2	Machedo	Char	10	Mã chế độ
3	Sosobaohiem	Char	10	Số sổ bảo hiểm
4	Ngaygiaiquyet	Datetime	8	Ngày giải quyết

i) Bảng ĐƠN VỊ_ NGÂN HÀNG lưu trữ việc đóng tiền của đơn vị sử dụng lao động

Stt	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Kích cỡ	Ghi chú
1	Sotaikhoan	Char	10	Số tài khoản
2	Madonvi	Char	10	Mã đơn vị
3	Sochungtu	Char	10	Số chứng từ, khóa chính
4	Kyhieuchungtu	Char	10	Ký hiệu chứng từ
5	tenchungtu	Nvarchar	30	Tên chứng từ
6	Sotienlop	Float	8	Số tiền nộp
7	Dongthang	Int	4	Đóng tháng
8	Dongnam	Int	4	Đóng năm
9	Ngaynop	Datetime	8	Ngày nộp

j) Bảng NGÂN HÀNG_ NHÂN VIÊN lưu trữ việc chuyển chứng từ của ngân hàng

STT	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Kích cỡ	Ghi chú
1	Sotaikhoan	Char	10	Số tài khoản
2	Cmtnd	Char	10	Chứng minh thư nhân dân
3	Sochungtu	Char	10	Số chứng từ, khóa chính
4	Ngaychuyen	Datetime	8	Ngày chuyển

k) Bảng ĐƠN VỊ_ VĂN BẢN_ NHÂN VIÊN lưu trữ việc đơn vị nộp văn bản

STT	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Kích cỡ	Ghi chú
1	Madonvi	Char	10	Mã đơn vị
2	Mavanban	Char	10	Mã văn bản
3	Cmtnd	Char	10	Chứng minh thư nhân dân
4	Ngaynop	Datetime	8	Ngày nộp
5	Ngayhentra	Datetime	8	Ngày hẹn trả
6	Noidungnop	nvarchar	50	Nội dung nộp

2.4. THIẾT KẾ GIAO DIỆN

2.4.1. Giao diện chính

<p>BẢO HIỂM XÃ HỘI QUẬN HỒNG BÀNG THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG</p>  <p>CHƯƠNG TRÌNH QUẢN LÝ BẢO HIỂM XÃ HỘI</p> <p>Cán bộ hướng dẫn: Ths. Vũ Anh Hùng Sinh viên thực hiện: Hoàng Thị Duyên Mã số sinh viên: 090083</p>
--

Ket noi CSDL	
Connection Values	
DNS	<input type="text" value="BHXH"/> ↓
UID	<input type="text"/>
Password	<input type="text"/>
Database	<input type="text"/>
Driver	<input type="text"/> ↓
Server	<input type="text"/>

ĐĂNG NHẬP	
Tên đăng nhập	<input type="text" value="duyen"/>
Mật khẩu	<input type="text" value="***"/>
<input type="button" value="Đăng Nhập"/>	<input type="button" value="Thoát"/>

2.4.2. Các giao diện cập nhật dữ liệu

CẬP NHẬT ĐỐI TƯỢNG

Số sổ bảo hiểm	<input type="text"/>	CMTND	<input type="text"/>
Họ tên	<input type="text"/>	Tiền lương	<input type="text"/>
Địa chỉ	<input type="text"/>	Phụ cấp	<input type="text"/> ↓
Giới tính	<input type="text"/>	Ghi chú	<input type="text"/>
Năm sinh	<input type="text"/>	Thuộc đơn vị	<input type="text"/> ↓

Các chức năng chính

				<<	<	>	>>
<input type="button" value="Nhập mới"/>	<input type="button" value="Lưu"/>	<input type="button" value="Xoá"/>	<input type="button" value="Tìm Kiếm"/>	<input type="button" value="Sửa"/>	<input type="button" value="Thoát"/>		

CẬP NHẬT NHÂN VIÊN

CMTND	<input type="text"/>	Số điện thoại	<input type="text"/>
Họ tên	<input type="text"/>	Bộ phận công tác	<input type="text"/>
Địa chỉ	<input type="text"/>		

Các chức năng chính

				<<	<	>	>>
<input type="button" value="Nhập mới"/>	<input type="button" value="Lưu"/>	<input type="button" value="Xoá"/>	<input type="button" value="Tìm Kiếm"/>	<input type="button" value="Sửa"/>	<input type="button" value="Thoát"/>		

PHỤ THUỘC CỦA ĐỐI TƯỢNG

Họ tên

Quan hệ

Địa chỉ

Quan hệ với đối tượng

Giới tính

(Dựa vào số sổ bảo hiểm)

Các chức năng chính

CẬP NHẬT VĂN BẢN ĐI KÈM

Mã văn bản

Địa chỉ xác nhận

Tên văn bản

Mức giảm KNLD

Người xác nhận

Ngày xác nhận

Số sổ bảo hiểm

Các chức năng chính

CẬP NHẬT ĐƠN VỊ SỬ DỤNG LAO ĐỘNG

Mã đơn vị	<input type="text"/>	Số điện thoại	<input type="text"/>
Tên đơn vị	<input type="text"/>	Số lao động	<input type="text"/>
Địa chỉ	<input type="text"/>		

Các chức năng chính

<<
<
>
>>

CẬP NHẬT NGÂN HÀNG

Số tài khoản	<input type="text"/>	Địa chỉ	<input type="text"/>
Tên ngân hàng	<input type="text"/>	Số điện thoại	<input type="text"/>

Các chức năng chính

<<
<
>
>>

CẬP NHẬT CHẾ ĐỘ

Mã chế độ	<input type="text"/>	Thời gian hưởng	<input type="text"/>
Tên chế độ	<input type="text"/>	Tỷ lệ hưởng	<input type="text"/>
Lý do hưởng	<input type="text"/>		

Các chức năng chính

<<
<
>
>>

ĐƠN VI NỘP TIỀN CHO NGÂN HÀNG				
Mã đơn vị	<input type="text"/>	<input type="text"/>	Tên người nhận	<input type="text"/>
Số tài khoản	<input type="text"/>	<input type="text"/>	Đóng tháng	<input type="text"/>
Số chứng từ	<input type="text"/>		Đóng năm	<input type="text"/>
Tên chứng từ	<input type="text"/>		Số tiền	<input type="text"/>
Ký hiệu chứng từ	<input type="text"/>		Ngày nộp	<input type="text"/>
Các chức năng chính		<input type="button" value="<<"/> <input type="button" value="<"/> <input type="button" value=">"/> <input type="button" value=">>"/>		
<input type="button" value="Nhập mới"/>	<input type="button" value="Lưu"/>	<input type="button" value="Xoá"/>	<input type="button" value="Tìm Kiếm"/>	<input type="button" value="Sửa"/>
		<input type="button" value="Thoát"/>		

CẬP NHẬT CHUYỂN TIỀN				
CMTND	<input type="text"/>	<input type="text"/>	Số tài khoản	<input type="text"/>
Số chứng từ	<input type="text"/>	<input type="text"/>	Ngày chuyển	<input type="text"/>
Các chức năng chính		<input type="button" value="<<"/> <input type="button" value="<"/> <input type="button" value=">"/> <input type="button" value=">>"/>		
<input type="button" value="Nhập mới"/>	<input type="button" value="Lưu"/>	<input type="button" value="Xoá"/>	<input type="button" value="Tìm Kiếm"/>	<input type="button" value="Sửa"/>
		<input type="button" value="Thoát"/>		

CẬP NHẬT NỘP VĂN BẢN							
Mã văn bản	<input type="text"/>	<input type="button" value="↓"/>	Ngày hẹn trả	<input type="text"/>			
Mã chế độ	<input type="text"/>	<input type="button" value="↓"/>	CMTND	<input type="text"/>			
Ngày nộp	<input type="text"/>		Nội dung nộp	<input type="text"/>			
Các chức năng chính				<input type="button" value="<<"/>	<input type="button" value="<"/>	<input type="button" value=">"/>	<input type="button" value=">>"/>
<input type="button" value="Nhập mới"/>	<input type="button" value="Lưu"/>	<input type="button" value="Xoá"/>	<input type="button" value="Tìm Kiếm"/>	<input type="button" value="Sửa"/>	<input type="button" value="Thoát"/>		

CẬP NHẬT GIẢI QUYẾT CHẾ ĐỘ							
Mã chế độ	<input type="text"/>	<input type="button" value="↓"/>	Số sổ bảo hiểm	<input type="text"/>			
CMTND	<input type="text"/>	<input type="button" value="↓"/>	Ngày giải quyết	<input type="text"/>			
Các chức năng chính				<input type="button" value="<<"/>	<input type="button" value="<"/>	<input type="button" value=">"/>	<input type="button" value=">>"/>
<input type="button" value="Nhập mới"/>	<input type="button" value="Lưu"/>	<input type="button" value="Xoá"/>	<input type="button" value="Tìm Kiếm"/>	<input type="button" value="Sửa"/>	<input type="button" value="Thoát"/>		

2.4.3. Giao diện xử lý

THÔNG BÁO ĐÓNG BHXH			
Mã đơn vị	<input type="text"/>	<input type="text"/>	↓
Tháng	<input type="text"/>	Năm	<input type="text"/>
<input type="button" value="IN"/>		<input type="button" value="THOÁT"/>	

DANH SÁCH ĐƯỢC GIẢI QUYẾT			
Mã đơn vị:	<input type="text"/>	<input type="text"/>	↓
Mã chế độ	<input type="text"/>	<input type="text"/>	↓
Tháng	<input type="text"/>	Năm	<input type="text"/>
<input type="button" value="IN"/>		<input type="button" value="THOÁT"/>	

2.4.4. Các mẫu báo cáo

BẢO HIỂM XÃ HỘI HẢI PHÒNG
BẢO HIỂM XÃ HỘI HỒNG BÀNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO THU

Tháng ...năm...

Stt	Mã đơn vị	Số lao động	Tổng quỹ lương	Số phải thu	Số kỳ trước		tổng số phải thu	Số đã thu	số chuyển kỳ sau	
					Thừa	thiếu			thừa	thiếu
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11

Người lập biểu
(ghi và ký rõ họ tên)

Phụ trách thu
(ghi và ký rõ họ tên)

Ngày...tháng...năm...
Giám đốc BHXH
(ghi, đóng dấu)

BẢO HIỂM XÃ HỘI HẢI PHÒNG
BẢO HIỂM XÃ HỘI HỒNG BÀNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THỐNG KÊ ĐỐI TƯỢNG ĐƯỢC HƯỞNG CHẾ ĐỘ

Tên chế độ

Tháng ...năm...

Tổng số người hưởng trợ cấp (người)		Thời gian đóng BHXH bình quân/ người		Tiền lương tính hưởng trợ cấp bình quân/ người (đồng)		Tiền hưởng trợ cấp bình quân/ người (đồng)	
Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ

Người lập biểu
(ký, ghi rõ họ tên)

Trưởng phòng CĐCS
(ký, ghi rõ họ tên)

Ngày...tháng...năm...
Giám đốc BHXH
(ký, đóng dấu)

BẢO HIỂM XÃ HỘI HẢI PHÒNG
BẢO HIỂM XÃ HỘI HỒNG BÀNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG BÁO KẾT QUẢ ĐÓNG BHXH

Tháng năm

Tên đơn vị:
Quỹ tiền lương
Tổng số phải đóng trong tháng
Số phải đóng trong tháng
Số từ tháng trước chuyển sang:

Thừa
Thiếu

Số đã nộp
Số tiền chuyển sang tháng sau

Thừa
Thiếu

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày.....thángnăm
Giám đốc BHXH
(Ký và đóng dấu)

BẢO HIỂM XÃ HỘI HẢI PHÒNG
BẢO HIỂM XÃ HỘI HỒNG BÀNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HUỖNG CHẾ ĐỘ BHXH
TÊN CHẾ ĐỘ
TÊN ĐƠN VỊ

số sổ bảo hiểm	Lý do hưởng	tỷ lệ hưởng	Thời gian hưởng	số tiền

Người lập biểu
(ký, ghi rõ họ tên)

Ngày...tháng.. ...năm
Giám đốc BHXH
(Ký và đóng dấu)

CHƯƠNG 3

CƠ SỞ LÝ THUYẾT

3.1. PHÂN TÍCH THIẾT KẾ HỆ THỐNG HƯỚNG CẤU TRÚC

3.1.1. Khái niệm hệ thống thông tin

Thông tin là một loại tài nguyên của tổ chức, phải được quản lý chu đáo giống như mọi tài nguyên khác. Việc xử lý thông tin đòi hỏi chi phí về thời gian, tiền bạc và nhân lực. Việc xử lý thông tin phải hướng tới khai thác tối đa tiềm năng của nó.

Hệ thống thông tin (Information System - IS) trong một tổ chức có chức năng thu nhận và quản lý dữ liệu để cung cấp những thông tin hữu ích nhằm hỗ trợ cho tổ chức đó và các nhân viên, khách hàng, nhà cung cấp hay đối tác của nó. Ngày nay, nhiều tổ chức xem các hệ thống thông tin là yếu tố thiết yếu giúp họ có đủ năng lực cạnh tranh và đạt được những bước tiến lớn trong hoạt động. Hầu hết các tổ chức nhận thấy rằng tất cả nhân viên đều cần phải tham gia vào quá trình phát triển các hệ thống thông tin. Do vậy, phát triển hệ thống thông tin là một chủ đề ít nhiều có liên quan tới bạn cho dù bạn có ý định học tập để trở nên chuyên nghiệp trong lĩnh vực này hay không.

- Hệ thống thông tin là một hệ thống bao gồm con người, dữ liệu, các quy trình và công nghệ thông tin tương tác với nhau để thu thập, xử lý, lưu trữ và cung cấp thông tin cần thiết ở đầu ra nhằm hỗ trợ cho một hệ thống.
- Hệ thống thông tin hiện hữu dưới mọi hình dạng và quy mô.

3.1.2. Khái niệm phân tích thiết kế hệ thống

- **Phân tích hệ thống:** là giai đoạn phát triển trong một dự án, *tập trung vào các vấn đề nghiệp vụ*, ví dụ như những gì hệ thống phải làm về mặt dữ liệu, các thủ tục xử lý và giao diện, *độc lập với kỹ thuật* có thể được dùng để cài đặt giải pháp cho vấn đề đó.
- **Thiết kế hệ thống:** là giai đoạn phát triển tập trung vào việc xây dựng và cài đặt mang tính kỹ thuật của hệ thống (cách thức mà công nghệ sẽ được sử dụng trong hệ thống).

3.1.3. Phân tích hệ thống hướng cấu trúc

Phân tích thiết kế hệ thống hướng cấu trúc là phân tích thiết kế HTTT theo hướng môđun hoá để dễ theo dõi, quản lý, bảo trì.

Các phương pháp luận hướng cấu trúc sử dụng một hay một số công cụ để xác định luồng thông tin và các quá trình xử lý. Việc xác định và chi tiết hoá dần các luồng dữ liệu và các tiền trình la ý tưởng cơ bản của phương pháp luận từ trên xuống.

Từ mức 0: mức chung nhất, quá trình tiếp tục làm mịn cho đến mức thấp nhất: mức cơ sở. Ở đó từ các sơ đồ nhận được ta có thể bắt đầu tạo lập các chương trình với các môđun thấp nhất (môđun lá).

Phát triển có cấu trúc đã cung cấp một tập hợp đầy đủ các đặc tả hệ thống không dư thừa được phát triển theo quá trình logic và lặp lại.

Có nhiều lợi ích trong việc phân tích thiết kế hệ thống hướng cấu trúc:

- a. Làm giảm sự phức tạp (nhờ chia nhỏ, môđun hoá)
- b. Tập trung vào ý tưởng (vào logic, kiến trúc trước khi thiết kế)
- c. Chuẩn mực hoá (theo các phương pháp, công cụ đã cho)
- d. Hướng về tương lai (kiến trúc tốt, môđun hoá để bảo trì)
- e. Giảm bớt tính nghệ thuật trong thiết kế (phát triển hệ thống phải tuân thủ các quy tắc và phương pháp)

3.2. Thiết kế CSDL quan hệ

a. Định nghĩa: Mô hình liên kết thực thể E-R là một mô tả logic chi tiết dữ liệu của một tổ chức hay một lĩnh vực nghiệp vụ.

- Mô hình E-R diễn tả bằng các thuật ngữ của các thực thể trong môi trường nghiệp vụ, các các thuộc tính của thực thể và mối quan hệ giữa các thực thể đó.

- Mô hình E-R mang tính trực quan cao, có khả năng mô tả thế giới thực tốt với các khái niệm và kí pháp sử dụng là ít nhất. Là phương tiện quan trọng hữu hiệu để các nhà phân tích giao tiếp với người sử dụng

b. Các thành phần cơ bản của mô hình E-R

Mô hình E-R có các thành phần cơ bản sau:

- Các thực thể, kiểu thực thể.

- Các mối quan hệ
- Các thuộc tính của kiểu thực thể và mối quan hệ
- Các đường liên kết

c. Các khái niệm và kí pháp

* **Kiểu thực thể**: Là một khái niệm để chỉ một lớp các đối tượng cụ thể hay các khái niệm có cùng những đặc trưng chung mà ta quan tâm.

- Mỗi kiểu thực thể được gán một tên đặc trưng cho một lớp các đối tượng, tên này được viết hoa.

- Kí hiệu

TÊN THỰC THỂ

* **Thuộc tính**: Là các đặc trưng của kiểu thực thể, mỗi kiểu thực thể có một tập các thuộc tính gắn kết với nhau. Mỗi kiểu thực thể phải có ít nhất một thuộc tính.

- Kí hiệu

Tên thuộc tính

- Các thuộc tính của thực thể phân làm bốn loại: Thuộc tính tên gọi, thuộc tính định danh, thuộc tính mô tả, thuộc tính đa trị.

- *Thuộc tính tên gọi*: là thuộc tính mà mỗi giá trị cụ thể của một thực thể cho ta một tên gọi của một bản thể thuộc thực thể đó, do đó mà ta nhận biết được bản thể đó.

Với VD trên thì Hoten là thuộc tính tên gọi của lớp thực thể SINHVIEN

- *Thuộc tính định danh (khóa)*: là một hay một số thuộc tính của kiểu thực thể mà giá trị của nó cho phép ta phân biệt được các thực thể khác nhau của một kiểu thực thể.

+ Thuộc tính định danh có sẵn hoặc ta thêm vào để thực hiện chức năng trên, hoặc có nhiều thuộc tính nhóm lại làm thuộc tính định danh.

+ Kí hiệu bằng hình elip bên trong là tên thuộc tính định danh có gạch chân.

Tên thuộc tính

+ Cách chọn thuộc tính định danh:

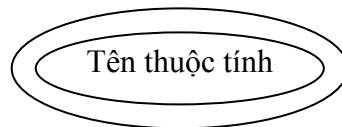
Giá trị thuộc tính định danh khác rỗng, nếu định danh là kết hợp của nhiều thuộc tính thì phải đảm bảo mọi thành phần của nó khác rỗng. Nên sử dụng định danh ít thuộc tính, nên thay định danh hợp thành từ một vài thuộc tính bằng định danh chỉ một thuộc tính.

Chọn định danh sao cho nó không thay đổi trong suốt vòng đời của mỗi thực thể

- *Thuộc tính mô tả*: các thuộc tính của thực thể không phải là định danh, không phải là tên gọi được gọi là thuộc tính mô tả. Nhờ thuộc tính này mà ta biết đầy đủ hơn về các bản thể của thực thể. Một thực thể có nhiều hoặc không có một thuộc tính mô tả nào.
- *Thuộc tính đa trị (thuộc tính lặp)*: là thuộc tính có thể nhận được nhiều hơn một giá trị đối với mỗi bản thể.

Ở ví dụ trên thuộc tính Sodiethoai là thuộc tính đa trị vì mỗi sinh viên có thể có nhiều số điện thoại (số điện thoại gia đình, số điện thoại di động)

+Kí hiệu: mô tả bằng hình elip kép với tên thuộc tính bên trong.



* *Mối quan hệ*: Các mối quan hệ gắn kết các thực thể trong mô hình E-R. Một mối quan hệ có thể kết nối giữa một thực thể với một hoặc nhiều thực thể khác. Nó phản ánh sự kiện vốn tồn tại trong thực tế.

- Kí hiệu mối quan hệ được mô tả bằng hình thoi với tên bên trong
- Mối quan hệ giữa các thực thể có thể là sở hữu hay phụ thuộc (có, thuộc, là) hoặc mô tả sự tương tác giữa chúng. Tên của mối quan hệ là một động từ, cụm danh động từ nhằm thể hiện ý nghĩa bản chất của mối quan hệ.
- Mối quan hệ có các thuộc tính. Thuộc tính là đặc trưng của mối quan hệ khi gắn kết giữa các thực thể.

- Lực lượng của mỗi quan hệ giữa các thực thể thể hiện qua số thực thể tham gia vào mỗi quan hệ và số lượng các bản thể của thực thể tham gia vào một quan hệ cụ thể.

- *Bậc của mỗi quan hệ*

- + Bậc của mỗi quan hệ là số các kiểu thực thể tham gia vào mỗi quan hệ đó

- + Mỗi quan hệ bậc một hay liên kết cấp 1 là mỗi quan hệ đệ quy mà một thực thể quan hệ với nhau.

- + Mỗi quan hệ bậc hai là mỗi quan hệ giữa hai bản thể của hai thực thể khác nhau

- + Mỗi quan hệ bậc ba

3.3. Công cụ để cài đặt chương trình

3.3.1. HỆ QTCSDL SQL SERVER

SQL Server là hệ quản trị CSDL quan hệ (RDBMS) sử dụng Transact-SQL để trao đổi dữ liệu giữa Client computer và SQL Server computer. Một RDBMS bao gồm database, database engine và các ứng dụng dùng để quản lý dữ liệu và các bộ phận khác nhau trong RDBMS.

SQL Server 2000 được tối ưu hóa để chạy trên hàng ngàn user, SQL Server 2000 có thể kết hợp ăn ý với các server khác như Microsoft Internet Information Server (IIS), E-Commerce, Proxy Server...

Dùng để lưu trữ dữ liệu cho các ứng dụng. Khả năng lưu trữ dữ liệu lớn, truy vấn dữ liệu nhanh. Quản trị CSDL bằng cách kiểm soát dữ liệu nhập vào và dữ liệu truy xuất ra khỏi hệ thống và việc lưu trữ dữ liệu vào hệ thống. Có nguyên tắc ràng buộc dữ liệu do người dùng hay hệ thống định nghĩa. Công nghệ CSDL chạy trên nhiều môi trường khác nhau, khả năng chia sẻ CSDL cho nhiều hệ thống khác nhau. Cho phép liên kết giao tiếp giữa các hệ thống CSDL khác lại với nhau.

SQL Server có 7 editions: Enterprise, Standard, Personal, Developer, Desktop Engine (MSDE), Win CE.

* *Các thành phần của SQL Server 2000*

- Database: cơ sở dữ liệu của SQL Server
- Tập tin log: tập tin lưu trữ những chuyển tác của SQL Server
- Table: các bảng dữ liệu
- Filegroups: tập tin nhóm
- Diagrams: sơ đồ quan hệ
- Views: khung nhìn (bảng ảo) số liệu dựa trên bảng
- Stored Procedure: thủ tục và hàm nội
- User defined Function: hàm do người dùng định nghĩa
- Users: người sử dụng CSDL
- Role: các quy định và chức năng trong hệ thống SQL Server
- Rules: những quy tắc
- Defaults: các giá trị mặc nhiên
- User-defined data types: kiểu dữ liệu do người dùng định nghĩa
- Full-text catalogs: tập tin phân loại dữ liệu

c) Đối tượng CSDL

CSDL là đối tượng có ảnh hưởng cao nhất khi làm việc với SQL Server. Bản thân SQL Server là một CSDL bao gồm các đối tượng database, table, view, stored procedure và một số CSDL hỗ trợ khác.

CSDL SQL Server là CSDL đa người dùng, với mỗi Server chỉ có một hệ quản trị CSDL. Nếu muốn nhiều hệ quản trị CSDL cần nhiều Server tương ứng.

Truy cập CSDL của SQL Server dựa vào tài khoản người dùng riêng biệt và ứng với các quyền truy cập nhất định. Khi cài đặt SQL Server có 6 CSDL mặc định: Master, Msdb, Tempdb, Pubs, Northwind.

d) SQL Server 2000 quản trị CSDL

Quản trị CSDL còn gọi là DBA, khi ứng dụng sử dụng CSDL SQL Server 2000, ngoài phần phát triển ứng dụng, thì SQL Server còn quản trị CSDL cho ứng dụng đó.

Để quản trị và bảo trì CSDL đang vận hành, dữ liệu thay đổi theo thời gian và không gian vì vậy người quản trị cần phải quan tâm đến các yếu tố xảy ra đối với CSDL

- Sắp xếp và lập kế hoạch công việc: lập kế hoạch công việc theo thời gian, theo định kỳ mà không gây sai sót.

- Sao lưu dữ liệu và phục hồi dữ liệu (backupdatabase- Restore database): công việc này hết sức cần thiết, vì khi có sự cố dữ liệu bị hư hỏng, thì cần phải có sao lưu để phục hồi ,

bảo vệ CSDL một cách an toàn.

- Quản trị các danh mục Full-text
- Thực hiện các thao tác cập nhật dữ liệu
- Thiết lập chỉ mục
- Import và Export dữ liệu
- Quản lý tài khoản đăng nhập và người dùng CSDL

3.3.2. Ngôn ngữ VISUAL BASIC

Ngay từ khi mới ra đời, Visual Basic được coi như là một đột phá làm thay đổi đáng kể nhận thức và sử dụng Windows. Trải qua gần mười năm với 6 phiên bản, Visual Basic đã tiến xa hơn và trở thành ngôn ngữ lập trình phổ biến nhất hiện nay. Đây là công cụ mạnh nhất để phát triển ứng dụng trên nền Windows

Thành phần “Visual” đã nói đến các phương thức dùng để tạo giao diện đồ họa người sử dụng (GUI). Thay vì phải viết những dòng mã để mô tả sự xuất hiện và vị trí của những thành phần giao diện, ta chỉ cần thêm vào các đối tượng đã được định nghĩa trước ở vị trí nào đó trên màn hình.

Ngoài những tính năng tương thích với các phiên bản VB trước đó, VB6 còn hỗ trợ phát triển ứng dụng trên nền 32 bit, tạo tệp tin thi hành và khả năng lập điều khiển (Control của chính mình, tăng cường cho Internet và có các tính năng cơ sở dữ liệu mạnh hơn).

Một ứng dụng Visual Basic có thể bao gồm một hay nhiều Project được nhóm lại với nhau. Mỗi Project có thể bao gồm một hay nhiều mẫu biểu (Form). Trên một Form cũng có thể đặt các điều khiển khác nhau.

Để phát triển một ứng dụng Visual Basic, sau khi đã tiến hành phân tích thiết kế, xây dựng CSDL, cần phải qua 3 bước chính:

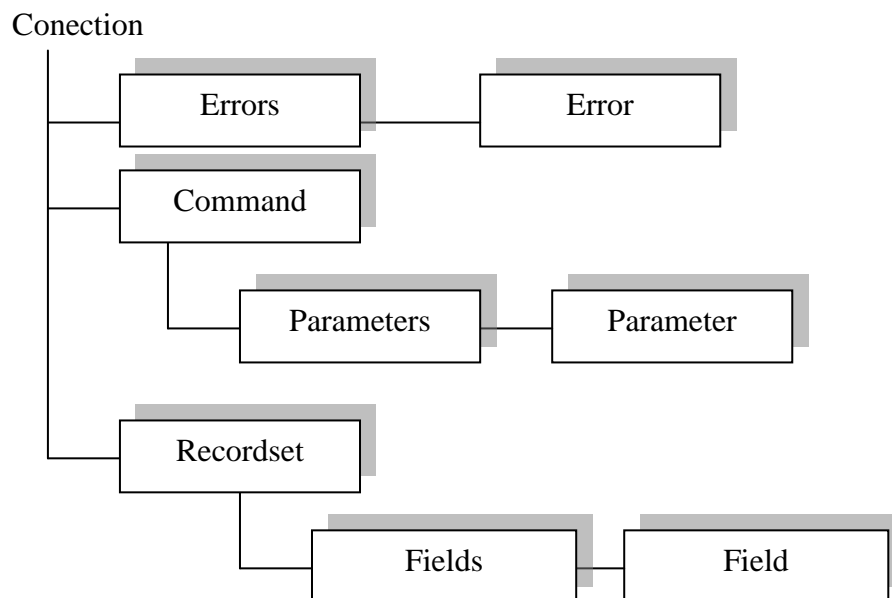
- Bước 1: Thiết kế giao diện, Visual Basic dễ dàng cho bạn thiết kế giao diện và kích hoạt mọi thủ tục bằng mã lệnh.
- Bước 2: Viết mã lệnh nhằm kích hoạt giao diện đã xây dựng.
- Bước 3: Chỉnh sửa và tìm lỗi.

* Giới thiệu chung về ADO

ADO là công cụ để truy cập đến các CSDL được xây dựng trên OLEDB (Object Linking and Embedding Database). Nếu OLE DB là công nghệ được xây dựng ở mức hệ thống thì công nghệ ADO được xây dựng ở mức ứng dụng. Khi lập trình chúng ta không phải tương tác trực tiếp với OLE DB mà thay vào đó ta chỉ lập trình với ADO. Ưu điểm khi lập trình với ADO:

- Dễ sử dụng.
- Không phụ thuộc vào ngôn ngữ lập trình. Có thể sử dụng các ngôn ngữ như: Visual basic, Java, C++,...
- Không phụ thuộc vào nguồn dữ liệu. ADO có thể truy cập đến mỗi nguồn dữ liệu khác nhau thông qua OLE DB.
- Dễ dàng mở rộng.

* Mô hình đối tượng của ADO



***Các thành phần chính của Visual Basic**

Do Visual Basic là ngôn ngữ lập trình hướng đối tượng nên việc thiết kế giao diện rất đơn giản bằng cách đưa các đối tượng vào Form và tiến hành thay đổi một số thuộc tính của các đối tượng đó.

Form

Form là biểu mẫu của mỗi ứng dụng trong Visual Basic. Ta dùng Form (như là một biểu mẫu) nhằm định vị và sắp xếp các bộ phận trên nó khi thiết kế các phần giao tiếp với người dùng.

Ta có thể xem Form như là bộ phận mà nó có thể chứa các bộ phận khác. Form chính của của ứng dụng, các thành phần của nó tương tác với các Form khác và các bộ phận của chúng tạo nên giao tiếp cho ứng dụng. Form chính là giao diện chính của ứng dụng, các Form khác có thể chứa các hộp thoại, hiển thị cho nhập dữ liệu và hơn thế nữa

Trong nhiều ứng dụng Visual Basic kích và vị trí của mẫu biểu vào lúc hoàn tất thiết kế (thường mệnh danh là thời gian thiết kế, hoặc lúc thiết kế) là kích cỡ và hình dáng mà người dùng sẽ gặp vào lúc thời gian thực hiện, hoặc lúc chạy. Điều này có nghĩa là Visual Basic cho phép ta thay đổi kích cỡ và vị trí của các Form đến bất kì nơi nào trên màn hình khi chạy một đề án, bằng cách thay đổi các thuộc tính của nó trong cửa sổ thuộc tính đối tượng (Properties Windows). Thực tế một trong những tính năng thiết yếu của Visual Basic đó là khả năng tiến hành các thay đổi động để đáp ứng các sự kiện của người dùng.

Tool Box: (Hộp công cụ)

Các hộp công cụ này chỉ chứa các biểu tượng biểu thị cho các điều khiển mà ta có thể bổ sung vào biểu mẫu, là bảng chứa các đối tượng được định nghĩa sẵn của Visual Basic. Các đối tượng này được sử dụng trong Form để tạo thành giao diện cho các chương trình ứng dụng của Visual Basic. Các đối tượng trong thanh công cụ sau đây là thông dụng nhất:

- Scroll Bar (Thanh cuộn).
- Option Button Control (Nút chọn).
- Check Box (Hộp kiểm tra).
- Lable (Nhãn).
- Image (hình ảnh).
- Picture Box .
- Text Box (Hộp soạn thảo).
- Commađ Button (Nút lệnh).
- Directory List Box, Drive List Box, File List Box.
- List Box (hộp danh sách).

Properties Windows (cửa sổ thuộc tính)

Properties Windows là nơi chứa danh sách các thuộc tính của một đối tượng cụ thể. Các thuộc tính này có thể thay đổi được để phù hợp với các yêu cầu về giao diện của các chương trình ứng dụng.

Project Explorer

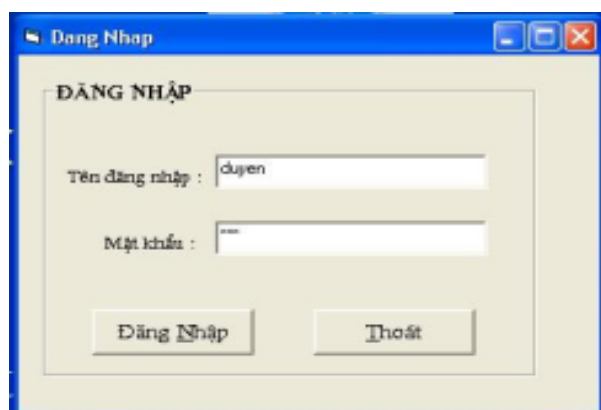
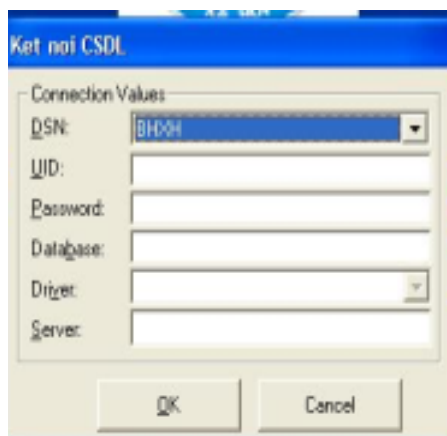
Do các ứng dụng của Visual Basic thường dùng chung mã hoặc các Form đã tùy biến trước đó nên Visual Basic 6 tổ chức các ứng dụng thành các Project. Mỗi Project có thể có nhiều Form và mã kích hoạt các điều khiển trên một Form sẽ được lưu trữ chung với Form đó trong các tệp tin riêng biệt. Mã lập trình chung mà tất cả các Form trong ứng dụng chia sẻ có thể được phân thành các Module khác nhau và cũng được lưu trữ tách biệt, gọi là các Module mã. Project Explorer nêu tất cả các biểu mẫu tùy biến được và các Module mã chung, tạo nên ứng dụng.

CHƯƠNG 4

CÀI ĐẶT CHƯƠNG TRÌNH

4.1. MỘT SỐ GIAO DIỆN CHÍNH

4.1.1. Giao diện chính



4.1.2. Giao diện cập nhật dữ liệu

CẬP NHẬT ĐƠN VỊ SỬ DỤNG LAO ĐỘNG

Mã đơn vị :

Tên đơn vị :

Địa chỉ :

Số điện thoại :

Số lao động :

DANH SÁCH NHÂN VIÊN

madonvi	tendonvi	diachi	solaocho
BD	Trường dạy nghề Bạch Đằng	Bạch Đằng Hải Phòng	10
ML	Công ty vận tải Mai Lan	20- Đinh Tiên Hoàng- Hà	20

Các chức năng chính :

CẬP NHẬT ĐỐI TƯỢNG

Số sổ BHXH : Năm sinh :

Số CMTND : Tiền lương :

Họ tên :

Địa chỉ : Ghi chú :

Giới tính : Thuộc đơn vị nào :

DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG

sosobaohiem	cmrtd	hoten	diachi	gioitinh
031000002	031564213	Nguyễn Công Định	Hợp Đức Tiên Lãng Hải F	nam
031000001	031210025	Nguyễn Thị Anh	Các Thị xã Hải Phòng	nam

Các chức năng chính :

PHỤ THUỘC CỦA ĐỐI TƯỢNG

Họ tên : Năm sinh :

Địa chỉ : Quan hệ :

Giới tính : Quan hệ với đối tượng nào :

DANH SÁCH PHỤ THUỘC ĐỐI TƯỢNG

	hoten	diachi	namsinh	gioitinh	quanhe
▶	Nguyễn Thị Hải	Thủy Đường - Thủy Nguyên - Hải Phòng	12/5/1987	Nữ	con
▼	Nguyễn Thị Hải	Thủy Đường - Thủy Nguyên - Hải Phòng	12/5/1987	Nữ	con

Các chức năng chính :

<input type="button" value="Nhập mới"/>	<input type="button" value="Lưu"/>	<input type="button" value="Xóa"/>
<input type="button" value="Tìm kiếm"/>	<input type="button" value="Sửa"/>	<input type="button" value="Thoát"/>

CẬP NHẬT NGÂN HÀNG

Số tài khoản :

Tên ngân hàng :

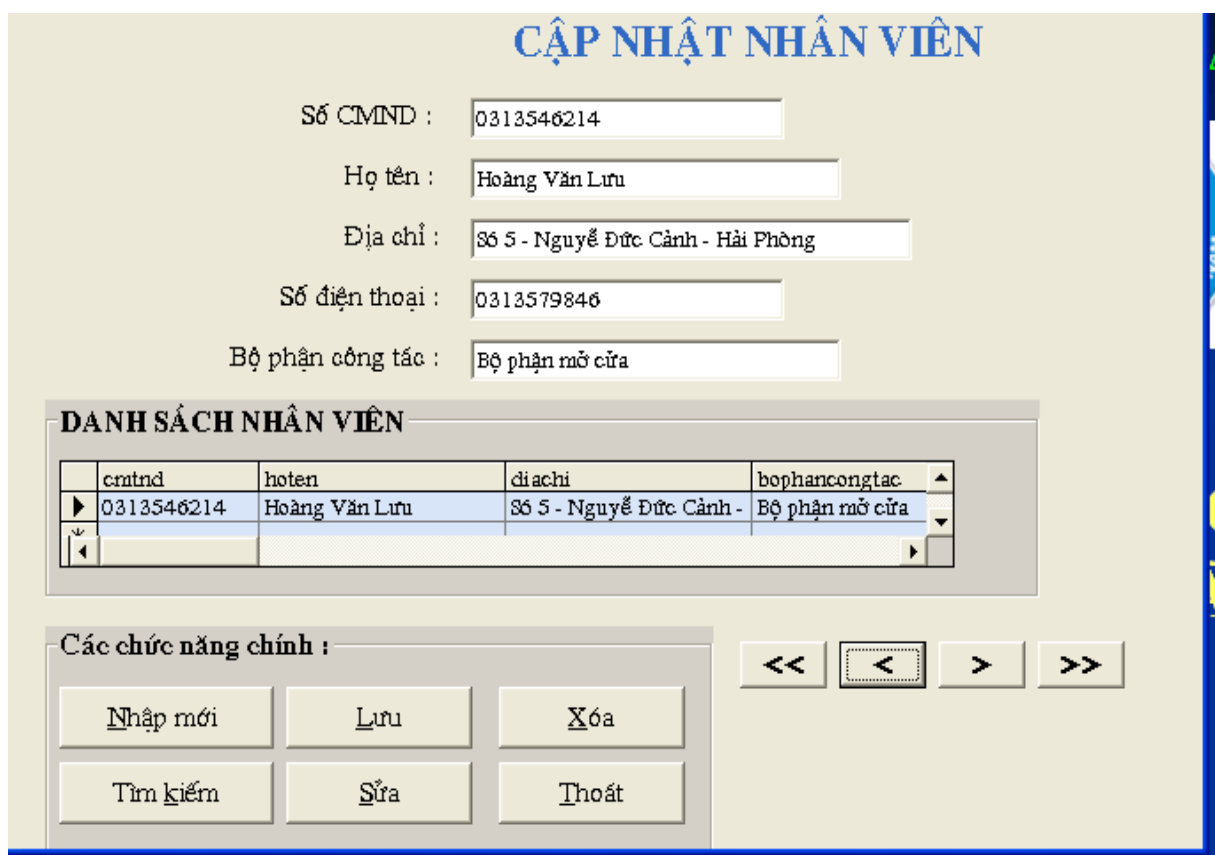
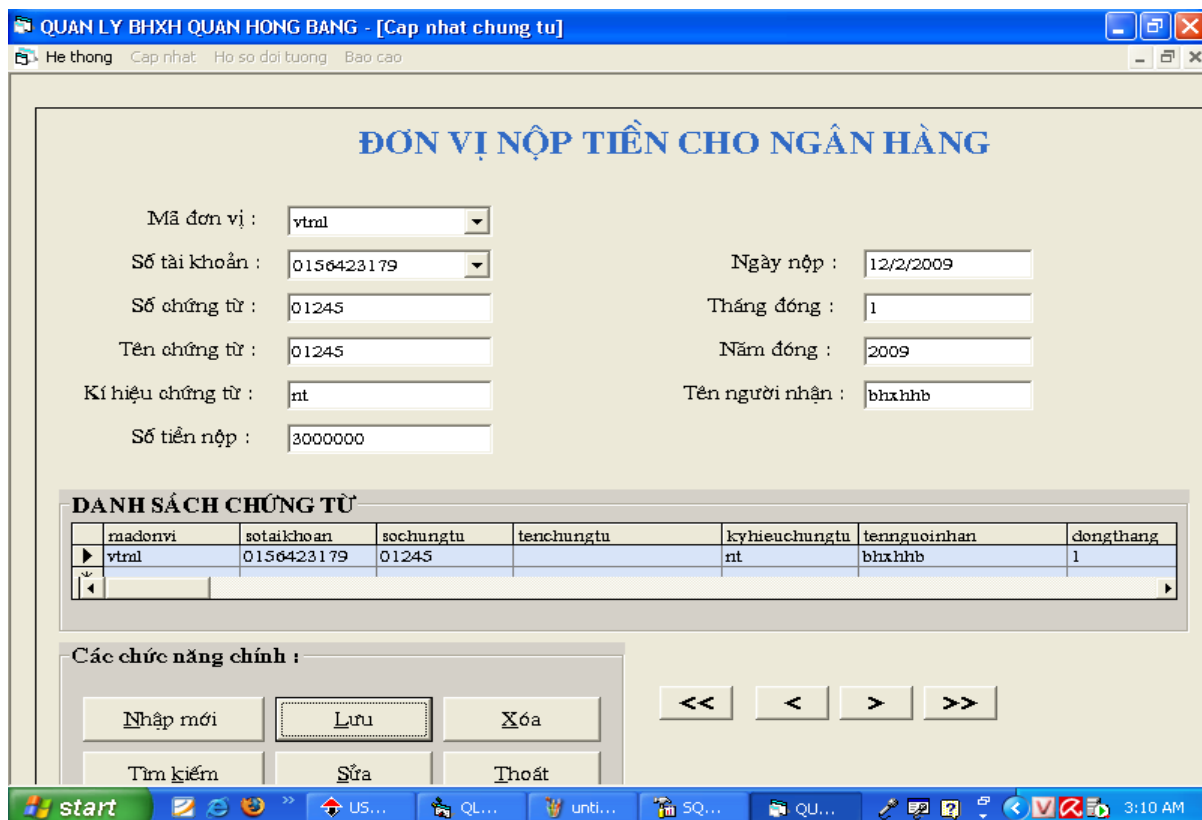
Địa chỉ ngân hàng :

DANH SÁCH NGÂN HÀNG

	sotaiKhoan	tennganhang	diachi
▶	0156423179	Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu	69 Điện Biên Phủ
▼	0156934587	ngân hàng đầu tư và phát triển số 5 - Quang Trung - Hồng Bàng	

Các chức năng chính :

<input type="button" value="Nhập mới"/>	<input type="button" value="Lưu"/>	<input type="button" value="Xóa"/>
<input type="button" value="Tìm kiếm"/>	<input type="button" value="Sửa"/>	<input type="button" value="Thoát"/>



cap nhap chuyen tien

CẬP NHẬT CHUYỂN TIỀN

Số tài khoản Số chứng từ

Ngày chuyển chứng minh thư

DANH SÁCH CHUYỂN TIỀN

	sotaikhoan	cratnd	sochungtu	ngaychuyen
▶	0156423179	031324135	0135	12/7/2009

các chức năng

CẬP NHẬT CHẾ ĐỘ

Mã chế độ :

Tên chế độ :

Lý do hưởng :

Tỷ lệ hưởng chế độ :

Thời gian hưởng :

DANH SÁCH CHẾ ĐỘ

	machedo	tenchedo	tylehuong	lydohuong	thoigianhuong	
▶	cdts	chế độ thai sản	100	nghỉ sinh con	120	▲
*						▼

Các chức năng chính :

CẬP NHẬT VĂN BẢN

mã văn bản
 Tên văn bản

Địa chỉ xác nhận
 Tên người xác nhận

Mức giảm khả năng lao động
 Ngày xác nhận

số sổ bảo hiểm

DANH SÁCH VĂN BẢN

	mavanban	tennguoixacnhan	diachixacnhan	tenvanban
▶	gdsk	Nhuyễn Văn Tiến	Bệnh viện Thủy Nguyên	ghj
◀				

các chức năng

ĐƠN VỊ NỘP VĂN BẢN CHO NHÂN VIÊN

mã đơn vị
 ngày nộp

mã văn bản
 ngày hẹn trả

chứng minh thư
 nội dung nộp

NỘI DUNG NỘP VĂN BẢN

	madonvi	mavanban	cmtnd	ngaynop	ngayhentra	noidu
▶	vtml	gdsk	0313154327	3/15/2009	4/15/2009	giải q
*▶						

CÁC CHỨC NĂNG CHÍNH

nhân viên giải quyết chế độ

CẬP NHẬT GIẢI QUYẾT CHẾ ĐỘ ĐỐI TƯỢNG

Chứng minh thư
Mã chế độ

Số sổ bảo hiểm
Ngày giải quyết

DANH SÁCH GIẢI QUYẾT CHẾ ĐỘ

	cmtnd	machedo	sosobaohiem	ngaygiaiquyet
▶	0313154327	cdts	bh123	2/15/2009
*				

các chức năng

4.1.3. Giao diện xử lý

QUẢN LÝ BHXH QUẬN HỒNG BÀNG - [THÔNG BÁO ĐÓNG BHXH]

[Hệ thống](#)
[Cập nhật](#)
[Hồ sơ đối tượng](#)
[Báo cáo](#)

THÔNG BÁO ĐÓNG BẢO HIỂM XÃ HỘI

Mời bạn chọn công ty :

Tháng
Năm

giai quyet che do

DANH SÁCH GIẢI QUYẾT CHẾ ĐỘ

Mã đơn vị

Mã chế độ

Số sổ bảo hiểm

4.1.4. Một số báo cáo

Thông báo kết quả đóng BHXH

Zoom 100%

BẢO HIỂM XÃ HỘI HÀI PHONG
BẢO HIỂM XÃ HỘI HỒNG BÀNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG BÁO KẾT QUẢ ĐÓNG BHXH

Tháng 1 Năm 2009

Tên đơn vị	Công ty v@n t@i	
Quý tiền lương	6200000	
Tổng số phải đóng trong tháng	3000000	
Số phải đóng trong tháng	1302000	
Số từ tháng trước chuyển sang		
Thừa	1698000	
Thiếu		
Số đã nộp	3000000	
Số tiền chuyển sang tháng sau		
Thừa	1698000	
Thiếu		

danh sách giải quyết chế độ

Zoom 100%

BẢO HIỂM XÃ HỘI HẢI PHÒNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
 BẢO HIỂM XÃ HỘI HỒNG BÀNG Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH GIẢI QUYẾT CHẾ ĐỘ

Số sổ bảo hiểm	Lý do hưởng	Tỷ lệ hưởng	Thời gian hưởng	Số tiền
bh123	nghỉ sinh con	100	104	6000000

Người lập biểu
(Kí và ghi rõ họ tên)

Ngày.....Tháng.....Năm
 Giám đốc BHXH
(Kí tên và đóng dấu)

4.2. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ

Chương trình sau khi cài đặt đã đáp ứng được công việc của đề tài là quản lý BHXH Hồng Bàng. Chương trình cập nhật được dữ liệu và xử lý được việc theo dõi quá trình đóng BHXH của đối tượng thông qua đơn vị sử dụng lao động đóng tiền BHXH cho chi nhánh ngân hàng đầu tư và phát triển nông thôn quận Hồng Bàng. Chương trình cũng xử lý được công việc giải quyết chế độ cho đối tượng. Sau đó đã tạo được báo cáo để cho ban lãnh đạo giám sát và kiểm tra trong quá trình quản lý lão đạo cơ quan.

KẾT LUẬN

Trong quá trình làm tốt nghiệp về đề tài “ Quản lý bảo hiểm xã hội“. Em đã mô tả được hoạt động và đưa ra giải pháp quản lý bảo hiểm xã hội cho bảo hiểm xã hội Hồng Bàng để có được kết quả cao nhất trong quá trình quản lý bảo hiểm xã hội. Đồng thời, được sự hướng dẫn và giúp đỡ của Thầy Vũ Anh Hùng. Em đã phân tích và thiết kế hệ thống trên cơ sở lý thuyết đã được học như phân tích thiết kế hệ thống hướng cấu trúc, thiết kế cơ sở dữ liệu và công cụ để cài đặt em đã cài đặt được chương trình quản lý bảo hiểm xã hội Hồng Bàng đã đáp ứng được yêu cầu của đề tài.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. PGS. TS. Nguyễn Văn Vy (2004), *Giáo trình phân tích thiết kế hệ thống thông tin*, NXB thống kê, Hà nội
2. Nguyễn Thị Ngọc Mai (2004), *Visual Basic 6.0 - Lập trình cơ sở dữ liệu*, Nhà xuất bản lao động – xã hội